

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH  
TẬP 185

# TỤC CAO TẶNG TRUYỆN

SỐ 2060  
( QUYỂN 9 → 30 )

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC  
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN



SỐ 2060

## TỤC CAO TẶNG TRUYỆN

*Sa-môn Thích Đạo Tuyên trụ chùa Tây Minh  
Thời Tiền Đường soạn.*

### QUYỂN 9

#### CHƯƠNG II: GIẢI NGHĨA

##### TRONG PHẦN 5 CỦA CHƯƠNG II:

(chánh truyện có mười bốn vị, phụ có sáu vị).

- 1- Truyện ngài Thích Bảo Hải trụ chùa Tạ Trấn ở Ích Châu, thời Bắc Chu.
- 2- Truyện ngài Thích Trí Phụng trụ chùa Long Uyên ở Ích Châu, đời Tùy.
- 3- Truyện ngài Thích La Vân trụ chùa Long Tuyên ở Kinh Châu, đời Tùy.
- 4- Truyện ngài Thích Pháp An trụ chùa Đăng Giới ở Kinh Châu, đời Tùy.
- 5- Truyện ngài Thích Tuệ Triết, trụ chùa Long Tuyên ở Tương Châu, đời Tùy (tuệ Tuyên, Hồng Triết, Tuệ Hưởng, Tuệ Tung).
- 6- Truyện ngài Thích Tuệ Hằng trụ chùa Từ Phương Trung; ở Giang Biểu, đời Tùy.
- 7- Truyện ngài Thích Tuệ Bất trụ chùa An Quốc ở Thường Châu, đời Tùy.
- 8- Truyện ngài Thích Linh Dụ trụ chùa Diển Không ở Tương Châu, đời Tùy.

9- Truyện ngài Thích Tuệ Tạng trụ Đạo tràng Không Quán ở Tây Kinh, đời Tùy.

10- Truyện ngài Thích Trí Thoát trụ Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy.

11- Truyện ngài Thích Pháp Trường trụ Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy.

12- Truyện ngài Thích Đạo Trang trụ Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy.

13- Truyện ngài Thích Pháp Luận trụ Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô, đời Tùy.

14- Truyện ngài Thích Tăng Xán trụ Đạo tràng Đại Hưng Thiện, ở Kinh đô, đời Tùy (Tăng Loan, Tăng Phụng).

### **1- Truyện ngài Thích Bảo Hải trụ chùa Tạ Trấn ở Ích Châu:**

Thích Bảo Hải, họ Cung, người ở xứ Lang Trung thuộc Ba Tây. Sư xuất gia từ thưở thiếu thời, có chí cao xa. Vì Phật Pháp tại Dương Đô đang sùng thịnh, nên Sư quyết xuống núi. Khi đã đến Kim Lăng, Sư nương tựa Pháp Sư Vân, nghe học Luận Thành Thật, cạnh đó trải qua các pháp tịch, Sư chóng phát tiếng tăm trong sáng, bèn dẫn chúng giảng riêng, mọi người theo nghe rất đông.

Bấy giờ, Vua Võ Đế (Tiêu Diễn năm trăm lẻ hai-năm trăm năm mươi) thời Nam Lương rất kính trọng Phật Pháp, tự nhà vua giảng Kinh Niết-bàn, bảo Sư luận bàn về nghĩa Phật tánh. Sư bèn lên tòa bàn luận, tuy nói năng qua lại, mà tay Sư vẫn cầm lò hương Thâu Thạch. Vua Võ Đế bảo: “Pháp Sư tuy dứt bỏ san tham. Lò hương chẳng phải Thâu Thạch (chất tơ vàng) không cần cầm”. Sư liền đáp rằng: “Bệ hạ ngôi vị ở nơi cao tốt, khăn trâm chẳng phải Đạo (Cờ Mao) không đội”. Vua rất vui lòng, Đại chúng đều kinh lạ khen ngợi.

Sau, Sư trở về đất Thục trụ tại chùa Tạ Trấn, mở rộng giảng nói. Võ Lăng Vương Kỷ trấn nhậm Tỉnh lạc, rất kính mến Sư, thường đến Chùa Sư, ở lại bàn luận huyền lý, quên cả ngày đêm. Đến mờ sáng vua sắp rửa tay, mặt trời dần lộ dạng, Vua nói: sáng sớm mặt trời soi trên tường vách, tướng trạng dường như trong thành. Gió động tiếng linh chùa khua vang mới biết mình đang ở trong chùa”. Sáng đó, xe lọng đến đón Vua, ngựa lại hí vang. Sư bảo rằng: “Xa trông thấy lọng lay động, mừng gặp được tổ bày tư tưởng, bỗng nghe tiếng ngựa hí lại vui như gặp được Long Thọ!” Cả hai người cùng nhau vui cười mà đi ra. Vua lên xe rồi, bảo người hầu rằng: “Nghe lời nói của Pháp Sư Hải, khiến ta bàng

hoàng không nở đi!” Ngài biện cấp vô phương là trường hợp này.

Đến lúc, nhà (Bắc) Chu thế ngôi nhà Lương, Dong ông trấn phương càng thêm kính trọng Sư sâu sắc vượt hẳn người thường. Đến lúc Sư tám mươi tuổi, bảo với Đệ tử là Pháp Minh rằng: “Ta sắp chết đây, không một lo toan gì đường trước cả. Chỉ lo sau khi đã qua đời, tháp báu đều bị đập phá, sẽ lộ bày thi thể để cho loài cầm thú ăn dùng. Quả nhiên vào niên hiệu Kiến Đức (năm trăm bảy mươi hai-năm trăm bảy mươi tám) thời Bắc Chu, tất cả đều bị phá hủy, khiến chùa viện hoang tàn, ngài ra, chỉ một ngôi nhà và Dung tượng hiện còn.

## **2- Truyện ngài Thích Trí Phương trụ chùa Long Tuyên ở Ích Châu:**

Thích Trí Phương người xứ Tư Trung ở Thục Xuyên, giòng họ Sư vốn ở Đông Ngô, Tổ tiên xa xưa của Sư làm quan ở Tây Thục, nên mới ở đó. Sư xuất gia từ thưở nhỏ, nương tựa Pháp Sư Luân chùa Long Tuyên ở Châu Quách.

Ngài sớm cùng Sa-môn Bảo Hải Vân du khắp cùng, đồng đến Dương Đô dự học dưới Pháp tịch của Pháp Sư Vân, nhờ cơ biện Sư sáng lán lạnh lợi nên tiếng tăm vang khắp Dương Việt. Mỗi lúc đến lượt Sư giảng thì từ nghĩa trong nhã như suối chảy mây bay, nên khiến các hàng sĩ tục cầm theo giấy bút ghi chép thường có mấy trăm vị. Ban đầu, Sư giảng Kinh Pháp Hoa, nói đến chỗ Cao Diệu trong phẩm Hiện Bảo Tháp. Sư bèn y cứ Vua giải thích nghĩa mà bảo rằng: “Đâu phải cõi nước Phật xưa mới có được sự cao diệu như thế, mà ngay đất phước Dương Đô này cũng rất trang nghiêm. Còn như bảy tầng Cấp Di Thiên tranh sáng với nhật nguyệt, chín tầng Đồng Thái sánh khoe sắc với ráng mây. Giếng Vuông thì nghiêng rũ lá sen, thùng tròn thì bên cạnh bày mọc hoa sen. Tợ như An trú ở phương Nam, đồng dạng Ni-khư ở Trấn Bắc. Tai nghe mắt thấy ngỗ hầu liên hàng”. Những người ghi chép bí mật mang về Ích Châu, tha thiết ngợi khen lấy làm kinh tuyệt. Nên Sư xuất lời thành Chương như sớm đã gây dựng.

Sa-môn Bảo Hải có đến vấn nạn, Sư bèn tuông phát ra thanh thái. Nên Ngài Bảo Hải hỏi rằng: “Tam biến, ở phương này đổi uế thành tịnh, cũng có thể biến Phàm thành Thánh chăng?” Sư đáp: “Hóa Phật có rất nhiều, vì hẹp nên phải rộng, Phàm thánh tự như thế, đâu cần nhọc biến đổi?” Ngài Bảo Hải lại hỏi vặn: “Nếu vậy thì sáu mươi tiểu kiếp cho là như khoảng bữa ăn, chỉ là Thánh thấy được, Phàm không thể thấy. Còn Phàm và Thánh đều thấy thì Phàm và Thánh đều là Thánh cả.” Sư cười,

đáp: “Nơi tòa cao không hề nói thế. Đó mới là tự nói tự hỏi vậy!” Ngài bảo Hải cảm thấy đố kỵ bèn chống chế rằng: “Đấu gỗ ba góc, sao gọi là Trí Phương được?” Sư liền đáp rằng: “Ngồi sỏi nơi ao động, làm sao xưng là Bảo Hải?” Cả đại chúng cười lớn mà giải tán.

Đến lúc bình Sư trở nặng. Ngài Bảo Hải thường qua lại thăm hỏi ủi an. Sư bèn cảm tạ rằng: “Trí Phương tôi chẳng thể nhiếp dưỡng, đến đây bệnh đã trở nặng, làm nhọc nhân giả đã mấy lần qua lại an ủi thăm hỏi. Nguyên sinh về nơi tốt lành, thường cùng bạn đồng đi.” Bỗng chốc có mùi thơm lạ tỏa khắp phòng. Vào lúc nửa đêm, Sư thị tịch tại Ích Châu, thọ hơn chín mươi tuổi.

### **3- *Truyện ngài Thích La Vân trụ chùa Long Tuyên ở Kinh Châu:***

Thích La Vân, họ Hình, người ở xứ Tùng Tư thuộc quận Nam. Ban đầu, Sư đến chùa Thượng Minh đông xin xuất gia. Chí khí tiết tháo của Sư mong được thành Đức. Nhân Kim Lăng Đạo Vương tìm ẩn, người đông như rừng, Sư bèn xem thường đường ngàn dặm xa đi tìm bạn lành. Gặp được Sa-môn Đạo Lăng ở Dương đô đang truyền bá hưng thịnh, Sư bèn đến nơi pháp tịch, kính ngưỡng bày liệt, bốn bộ luận Nhất thừa, vạch bày cùng tận bến bờ đường lối. Lúc ấy, ngài Đạo Lăng thường bảo học chúng tìm tòi u ẩn.

Năm Sư mười sáu tuổi, với độ tuổi vừa lớn, duệ chí dẫn đầu, hỏi nghĩa Thường và Vô Thường, mà về mặt không thay đổi, khách chủ đồng thông thả, mọi người cùng vui mừng khen thưởng. Ngài Đạo Lăng bèn tặng chiếc áo choàng mình đang đắp cho Sư ở trước chúng. Từ đó, tiếng tăm Sư vang xa, ở đó lan truyền, nhưng Sư ưa thích pháp chẳng cùng, như ngu mà chẳng vướng mắc. Sau khi ngài Đạo Lăng thị tịch. Sư rộng bình luận những điều đã từng được nghe. Sư lại theo Pháp Sư Tuyên ở chùa Phước Duyên tìm lấy di pháp, Pháp Sư Tuyên giải thích không sót, mặc tình Sư xét ngưỡng.

Sư cho rằng nghĩa sâu kín của Tam Luận chưa được truyền bá khắp xứ Kinh nam, hại chướng nhiều hiểm trở, Sư bèn phát nguyện sẽ mở mang giảng nói. Có Thiên sư Trắc ở chùa Thê Thiên, là người định tuệ gồm tu, chú tâm mở vạch, lúc đó lục hợp hòa thành một. Tam sở hoàn toàn hưng thịnh. Chúng đông như lúa mè, người nhiều tựa kỷ tử. Sư bắt đầu về lại chùa làng, nhân đó ứng cơ. Ở tòa cao làm thầy cho mọi người thưa hỏi, nhã lời trong làm đầu của Trú Pháp. Tổng Quán Nghi Dương Công Vương Thế Tích ban chiếu bảo Xá nhân Tiêu Tử Bảo đích

thân đến chỗ pháp tịch đều xưng tụng Đức âm.

Có chùa Long Tuyền là nơi cách biệt sự ồn náo trần gian, tâm trú nhàn khoáng, Sư mới ở đó hơn năm mươi năm, sửa sang nhà cửa, thường ngồi chưởng nằm, coi sóc chúng năm trăm vị, bấy giờ đều lộ bày những người tài xuất chúng. Vua Dương Đế (sáu trăm lẻ năm-sáu trăm mười bảy, Dương Quảng) đời Tùy nghe tiếng tầm Sư bèn ban sắc thỉnh vào, Sư bèn đục vách tường ẩn dấu vết, lấy cố bệnh mà lui. Xưa kia, Thích Đạo An ở chùa Thượng Minh đông, xây dựng gian nhà bảy gian. Về sau, Ngài Đàm Dực xây dựng thêm năm gian, rui tiếp đòn dông rộng dài mười hai gian. Sư ở trong nhà đó, giảng bốn bộ kinh, ba bộ luận, mỗi bộ mấy mươi biến, chẳng ở ngoài văn, có soạn thuật gì đều là tâm nghĩ miệng nói, băng tan lý thuận, nên được quên cả hai thứ Không, Hữu, Giáo nghĩa song bày.

Bấy giờ, ở tại Tùng Tư có một Đạo sĩ giòng họ Du, học suốt Lý tông, thông rành Nho Sử, thường giảng Lão Trang mà riêng dùng Nội kinh. Sư bảo Đệ tử Đạo Thắng, Tuệ Thành, rằng: “Đạo Sĩ kia nhiều như ong bay kiến đậu, cướp trâu trộm Pháp, tình thật khó chấp nhận. Các ông hãy truyền yếu chỉ của ta đẩy ngã vết tà ấy”. Tuệ Thành, v.v... đến chỗ Đạo Sĩ ấy mà ngồi. Đạo Sĩ bảo: “Người trời giao tiếp, cả hai cùng thấy nhau.” Ngài Tuệ Thành bảo: “Cởi bỏ y phục quý giá mà mặc lấy áo xấu dơ bẩn. Tập gần cùng mê, sắp mở tạm hóa”. mọi người lúc ấy cho đó là danh đáp. Trước đó, ngài Tuệ Thành gọi Đạo sĩ Du là Tiên sinh. Du tức giận bảo: “Ta chẳng phải kẻ sĩ thế tục, sao gọi ta là tiên sinh?” Ngài Tuệ Thành nói: “Ông đã ký gọi là Tiên sinh, vậy thôi xin bỏ bớt chữ “Tiên”, trở lại y như giòng họ cũ mà gọi là “Du sinh”. Do đó trong mỗi câu đều có chữ Du sinh. Khi đó, đại chúng mừng vui không thôi. Đạo sĩ mang lấy sự hổ thẹn nên không còn sự hùng hổ nữa.

Sư kính giữ cao thượng, nhã trấn thời tục. Đón, đưa, mừng, điếu, Sư không tham dự một việc nào. Hoặc có người cao ngạo với đạo, nghe mà tìm đến, và khi tham lễ thì mồ hôi đổ, tâm sợ. Sinh duyên ở dưới núi thần. Một mùa Hạ Sư ở chỗ tĩnh vắng, tư duy Huyền đạo. Mẹ Sư hằng ngày tự mang thức ăn lên núi thiết cúng. Có người hỏi về lý do, Sư đáp rằng: “Đó là báo đáp ân đức cù lao của mẹ”. Xưa kia, Châu Xán đánh phá Kinh Nam, các chùa phần nhiều đều bị đốt phá, chỉ có chỗ Sư tạo dựng chùa Long Tuyền là còn. Vì Viên Tổng quản trong giặc đã từng được Sư trao cho giới pháp, do đó, nhờ kính thầy trọng pháp mà chùa được tồn tại. Anh em trong gia đình Sư gồm có năm người, đều là Pháp sư. Sư là người nhỏ nhất mà Thần thái lại Đặc biệt. Đệ tử nhập thất của

Sư có được mười vị, như Xuân Sần, Trừng Khế, v.v... Sư truyền đạo khai hóa ở các vùng Mân Thục, Giang Hoài, không chỗ nào chẳng trải qua.

Đến ngày hai mươi ba tháng tư niên hiệu Đại nghiệp thứ mười hai (sáu trăm mười sáu) đời Tùy, ngài an nhiên ngồi thẳng thị tịch tại phòng ở chùa, thọ bảy mươi lăm tuổi. Trung Thư Lệnh Sầm Văn Bồn soạn văn bia.

Có Sa-môn Đạo Ngung là Anh ruột của Sư, học thông Đại tiểu, tiếng tăm vang khắp cả tăng tục. Ở tại chùa Thượng Minh đông, cây dựng ngôi gác nhiều tầng ở bên cạnh Miếu Lư của An Công. Tương truyền rằng: “An Công cưới lẽa lông mâu đỏ từ Thượng Minh sang Đàn Khê thuộc Tương Châu,, một đêm qua lại coi trông hai chùa đều là bốn tầng, ba cơ sở”. Người đời nay kính trọng, nên xưng gọi là Miếu Lư vì miếu đó là nơi buộc lẽa.

#### **4- Truyện ngài Thích Pháp An trụ chùa Đẳng Giới ở Kinh Châu:**

Thích Pháp An, Điền, người ở xứ Chi Giang. Sư có thần thái tuấn việt, được gọi là Đồng ấu.

Năm mười tám tuổi, Sư đi học đến Kim Lăng, ban đầu, nghe Luận Thành Thập. Sau học luận Trung Quán dưới pháp tòa chùa Hưng Hoàng. Có hơn mười năm, về ngắn thì thường không, về trí thì Đặc biệt. Giữa ba trăm học chúng riêng Sư được gọi là Tam tuyệt: một là vì thân Sư cao tám thước, phong nghi đỉnh đặc. Hai là giải nghĩa sâu cùng, ba là tinh tấn, giữ mình nghiêm khiết. Lúc nghe giảng kinh Niết-bàn, Sư thường lập nghĩa khác lạ để chúng hỏi vặn. Người tuy ở chúng lớn mà không ai quật ngã được Sư, do đó mà tiếng tăm Sư vang khắp sở Việt. Có một thời gian, Lãng Công (Đạo Lãng?) biết Sư tài giỏi nổi bật. Nên bảo Sư luận nghĩa. Sư liền vâng mạng hỏi đáp như vang theo tiếng, qua lại đã lâu, bèn ngừng nghĩ. Lãng Công bảo: “Ông đuối nghĩa rồi phải không?” Sư đáp: “Nghĩa như cát sông Hằng làm sao hết được.” Bấy giờ, học chúng gọi Sư là “Đa”, là “Sa An”. Ba luận, bốn kinh, Sư đều giảng. Sư soạn Quảng sơ chương và Lộc Giác Chương v.v... lý đến cùng sâu xa, truyền bá tại Giang Hán. Tuổi quá chẳng mê lầm mà xoay tâm trụ trong định, lại không bàn nói.

Lúc Sư đến chỗ Thiên sư Thành, cùng luận bàn về định đạo, giữa mài tâm tánh, qua suốt sáng tối, mà Sư chẳng ăn thức ăn của chúng tăng, chẳng uống miếng nước gạo đục. Đến năm sáu mươi lăm tuổi, Sư thị tịch tại chùa Đẳng Giới. Chùa đó ở trên Tư Châu, phía Tây hướng về



Sa Châu. Đó là nơi Lưu Cầu chú giải Kinh Pháp Hoa. Nay nền cũ đài kinh vẫn còn.

**5- Truyện ngài Thích Tuệ Triết trụ chùa Long Tuyền ở Tương Châu:**

Thích Tuệ Triết, họ Triệu, người ở xứ Tương Dương. Sư có thức độ rộng sáng, tiết tháo cao xa. Sau khi xuất gia, Sư đi về hướng Nam, đến Dương Đô. Bấy giờ nhằm niên hiệu Văn Xương tại nước Trần, Tam Bảo hưng long. Sa-môn Tăng Chánh Quỳnh Công là bậc tinh lý nhập thần, tịnh hạnh thuần khiết. Người đương thời xưng gọi là Ô Quỳnh. Vua rất mến chuộng kính trọng, thỉnh làm Đại Tăng Chính. Trông giữ thành pháp, làm nơi nương tựa cho mọi vật. Vương tộc họ Trần đều do Quỳnh Công truyền trao quy giới, còn các quan khanh tướng đều không dám đến. Quỳnh Công trụ tại chùa Kiến Sơ. Đến niên hiệu Trinh Minh thứ nhất (năm trăm tám mươi bảy) đời Trần, bỗng nhiên Sư thị tịch. An táng tại núi Lô Hồ. Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) buồn thương, dùng cờ vàng các thứ trượng gậy đưa tiễn đến nơi tháp mộ. Ban đầu, lúc Sư chưa thị tịch, tại chùa tháp mà Sư đang ở suốt ba ngày ánh sáng hiện chiếu, nhân đó mà cáo chung. Tăng tục đều lấy làm lạ.

Bấy giờ, có Sa-môn Bảo Quỳnh ở chùa Bàn Thành, là người khéo giảng nói rất có phong thái, hình tướng trắng đẹp, nên người đời gọi là Bạch Quỳnh. Mọi việc đọc ở biệt truyện. Ban đầu, Sư đến tham dự, nghe ngài Bảo Quỳnh giảng, mở lớn lệnh nghiệp, nhóm chúng giảng nói, thường phát ra âm thanh mới. Vì Tuệ ngộ mà tự kiêu, lại rất có tâm ngạo mạn. Nhân có Sa-môn Đạo Lăng ở chùa Hưng Hoàng là bậc thần biện như kiếm, ít có ai lanh lợi ngang bằng. Nhân đó Sư đến theo nghe giảng nói, qua lại một thời gian, đối đáp vượt xa. Sư rất lấy làm lạ, liền theo mà vâng nghe. Những điều sâu kín nhiệm mầu tự nhiên thông hiểu, mà oai dung vẫn tự kiêu căng, mọi hành động cử chỉ vẫn chấp lấy pháp. Sư từng đi giữa đường gặp lúc sấm sét âm vang, trời mưa như trút, mà Sư vẫn thong dong như thường, chẳng mất khuôn phép. Khi đó đôi giày bị sũng nước, Sư vẫn để yên đi về đến chùa. Sư đi bộ nhìn thẳng rõ ràng, chẳng liếc ngó hai bên, nếu muốn nhìn phía sau thì xoay thân mình từ từ nhìn lại, không vọng trái vượt. Người đương thời gọi Sư là “Tượng Vương Triết”. Sư lại khéo giữ gìn các căn, tiết lượng bụng miệng, ít tiện lợi tầm gọi. Do đó, khi thỉnh Sư đến nhà thế tục, qua thời gian vài ba ngày mà không hề thấy Sư lưu lại dơ uest, nên tiếng ngợi khen tốt lành càng tăng thêm.

Đến lúc Sư giảng Tam luận, do ảnh hưởng của Tuấn Lãng, nên càng tươi sáng hơn trước. Sư dẫn chúng đi ngược dòng về đến Bốn ấp, trụ ở chùa Long Tuyền phía dưới Thiền Phòng Quang Phước, núi Vọng Sở, phía Tây Thành. Sư thường lấy việc Hoàng Pháp làm chánh, các Bộ Niết-bàn, Tam Luận, v.v... cứ đáp đối nhau giảng nói tương tục. Học sĩ hơn ba trăm vị. Trong đó, những vị thành pháp khí truyền đăng có được năm mươi người, tức như các ngài Tuệ Phẩm, Pháp Xán, Trí Tung, Pháp Đồng, Tuệ Tuyền, Tuệ Lãng v.v... mỗi vị đều tự lãnh đồ chúng giáo hóa.

Đến tháng tư niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (năm trăm chín mươi bảy) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Long Tuyền, thọ năm mươi chín tuổi, an táng tại chùa núi Tây vọng. Các đệ tử như Tuệ Tung, v.v... dựng lập văn bia tại chỗ Sư ở. S-môn Tuệ Hưởng soạn văn bia. Ngài Tuệ Hưởng có tài đặc biệt, năng lực tư duy vững mạnh, được Tổng Quản Tiết Đạo Hành rất mến trọng. Ngài Tuệ Tung tiếng tăm học hạnh có lăm chỗ đi suốt. Nay ở tại kinh đô thường mở mang giảng nói.

Bấy giờ ở cùng trong ấp có Sa-môn Hồng Triết là bậc thông suốt Đại Tiểu, thường khai mở Pháp Hội, dùng đạt giải mong kéo dài sự soi sáng của mặt trời trí tuệ, nên tại Tây sở rao truyền gọi là “Trước sau có hai Triết (Tuệ Triết và Hồng Triết) v.v...”

#### **6- Truyện ngài Thích Tuệ Hằng trụ chùa Từ Phương Trung; ở Giang Biều:**

Thích Tuệ Hằng, họ Chu, Tổ tiên Sư vốn nhà ở Nhữ Nam, cuối đời Hán sụp đổ nên lánh đến đất Giang tả, nhỏ trấn nhà ấy trải qua nhiều đời, nay trở thành người Dương Tiễn; thuộc Nghiã Hưng. Ông nội Sư tên Thiều, dưới thời nhà Tề làm Điện Trung Tướng Quân. Cha của Sư tên Phú, dưới thời nhà Lương làm Trường Thủy hiệu úy, đồng thời nép ngưỡng hành môn, chẳng cầu tiếng tăm, ưa du suốt năm, đổi Nông làm Sĩ. Sư dĩnh ngộ thâm lại, trội vượt tiết tháo trẻ thơ. Xét cầu sáu kinh, lược thông Đại nghĩa, bởi vì thường tập của gia giáo chẳng phải cái tốt đẹp ấy.

Năm mười tám tuổi, Sư mới bùi ngùi than rằng: “Tu theo Chu Khổng lấy nhân nghĩa làm đầu. Quy tâm về Hoàng Lão lấy hư vô làm quý. Mà qua lại sinh tử, ra vào đấm chày, đó là lụy nghiệp trong nội vực, chẳng phải là yếu Đạo xuất thế!” Sư đã phát khởi chí khí ít có, bèn cảm ứng phi thường. Sư mộng thấy một ngôi tháp có năm tầng, đắp họa trang nghiêm, sừng sững cao vợi. Nhân đó, Sư lễ bái nguyện được lên

tháp ấy, chỉ trong khoảnh khắc bỗng lên tướng luân, khi ấy thâm tâm vui sướng chưa từng có. Đang lúc sắp đến Kinh ấp, đường đi lần theo Chu phương, gặp được Pháp Sư Hủ ở chùa Trúc Lâm, cùng khen ngợi tán thưởng. Sư bèn nương tựa xuất gia, cầu làm Hoà-thượng trao truyền mười giới. Sau đó, Sư đến thành đô, trụ chùa Cam Lộ Cổ. Sau khi đã tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư lại theo Luật Sư Phong ở chùa Tịnh Chúng, học Luật Thập tụng, lại nghe Pháp Sư Xước ở chùa Long Quang giảng Luận Thành Thật, để tâm chú ý vào Tỳ-đàm và Bát Kiển-độ. Sắp được đến chỗ Bí áo, nhật hết Thanh hoa. Sư lại theo Học Sĩ Đại Tăng Đô Pháp Sư Thư ở chùa Long Quang, nghiên cứu tinh yếu của Thành luận. Và khi Pháp Sư Thư thị tịch, Sư đích thân thọ nhận di chúc. Gặp lúc nhà Lương suy bại, chùa viện ở kinh thành hoang tàn, Sư bèn xé xiêm chống tích đến trụ ở Nam Từ, thật là báo đáp Địa Ân, kiêm tu Pháp sự.

Đến lúc Vua Võ Đế (Trần Bá Tiên, năm trăm năm mươi bảy-năm trăm sáu mươi) thời nhà Trần tại Điền, Chu Phương trải qua xem xét. Sớm vâng thừa cao dự, cũng khâm phục kính trọng. Tư Không Hầu Công Thứ trấn nhậm tại châu ấy, tâm rộng rang cung kính. Đến niên hiệu Vĩnh Định thứ ba (năm trăm năm mươi chín), Hầu Công vào Phủ, bèn thỉnh Sư ra thành đô, trụ chùa Bạch Mã giảng Kinh Niết-bàn và Luận Thành Thật. Học chúng nhóm họp chẳng quản đường xa ngàn dặm, mồ hôi nhễ nhại, xốc tay áo che gió mưa mà tìm đến. Sự hưng thịnh của Pháp diên chẳng lúc nào hơn.

Đến niên hiệu Thiên gia thứ hai (năm trăm sáu mươi một) đời Trần, tất cả hai trăm bảy mươi vị như Học Sĩ Bảo Trì v.v... thỉnh Sư đến giảng ở chùa Tương Cung, qua niên hiệu Thái Kiến thứ tư ( năm trăm bảy mươi hai) đời Trần, Vua Tuyên Đế (Trần Húc) ban sắc thỉnh Sư dời về giảng tại Đông An. Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) trước kia ở tại Xuân Phòng, chóng qua nghĩa tập Tăng thuộc, tài biện hùng hồn cao xa, đặc biệt đầy tâm, đến lúc tiếp nối ngôi báu (năm trăm tám mươi ba-năm trăm tám mươi chín) cũng rất kính ngưỡng. Niên hiệu Chí Đức thứ nhất (năm trăm tám mươi ba), Hậu chúa ban sắc thỉnh Sư làm Kinh Ấp Đại Tăng Đô. Đến niên hiệu Chí Đức thứ tư (năm trăm tám mươi sáu) lại chuyển làm Đại Tăng Chánh. Đến lúc trong nước hỗn loạn, Sư lại dừng ở tại Từ Phương, đủ duyên hội ngộ thì Sư hoằng khai giảng nói, không suy giảm thời gian thứ lớp.

Đến ngày mồng mười tháng bảy niên hiệu Khai Hoàng thứ chín (năm trăm tám mươi chín) đời Tùy, Sư thị tịch tại chùa Trung, thọ bảy mươi lăm tuổi. Qua ngày hai mươi tám tháng bảy, an táng tại đỉnh núi

Chung Sơn. Sư là người hạnh nghiệp thanh cao, linh kỳ hưởng ứng, thần thông cảm vời, chẳng thể suy nghĩ bàn luận.

Xưa kia, dưới thời nhà Trần, mỗi năm trong mùa Hạ, thường thỉnh Sư đến Lạc Du Uyển. Vì Thất Tổ của giòng họ nhà Trần cùng các thần trong sáu miếu ở Dương Đô mà khai mở giảng các kinh như Niết-bàn, Đại Phẩm. Và đều đón rước thần tọa ở trước nhà giảng, do đó mà cờ xanh lọng Khổng Vũ phục xiêm đỏ, giao loạn vật người kinh thần lòa mắt, nhưng qua lại đón đưa hẳn có rải mây mưa, thậm mong không trái ý có hơn mười năm. Sư thường giảng trước ăn sau, tạm thời nằm nghỉ. Và lúc giảng sắp đến, liền thấy người mặc áo đỏ bảo rằng: “Pháp Sư khéo đến!” Trần lãnh quân Tướng Quân nhân Trung, thưở thiếu thời làm Tướng soái rất ưa thích săn bắn, nhưng sớm có gieo nhân lành, cơ duyên tốt sắp phát, thấy trong bếp các thứ thức ăn đều phát ra ánh sáng kỳ lạ, trông thấy mà lấy làm quái lạ, nên có tâm lo sợ. Ban đêm mộng thấy có một người lạ đến bảo rằng: “Nếu thỉnh Pháp Sư (Tuệ Hằng) giảng ở Đông an, thì điềm thấy sẽ không phải lo buồn.” Thế rồi thức giấc, mừng vui hơn hởi, các thứ lưới lờ tên dây; dụng cụ săn bắn đồng một lúc đem đốt hết. Bèn cúi mình qua hai mùa hạ đến tại phủ nghe Sư giảng nói. Và nhân đó mà sám hối, vâng trì hai kinh, thọ giới bát sát, nên các thứ linh tích của Sư thật rất nhiều, ở đây chưa trình bày trong muôn một.

Sư giảng Luận Thành Thật Huyền Nghĩa sáu mươi ba biến, Luận văn mười lăm biến, các Kinh Niết-bàn, Đại Phẩm mỗi bộ hơn hai mươi biến. Suốt năm mươi năm, ngài chuyên rông Pháp sự nối nhau. Ngoài ra còn các bộ khác, ở đây lược qua không ghi chép. Sư có các đệ tử thọ giới Bồ-tát như Tư Không Ngô Minh Triệt v.v... Công hầu Tướng Tướng quý du Triều Sĩ hơn mấy ngàn vị, khó có thể ghi hết. Đệ tử Trí Du, v.v... cho rằng âm ba dung nghi Sư không còn nữa. Ngoài ra, các luận sắp không, nếu chẳng có Phong bia kia thì không do đâu để phô bày thanh danh đúng như thật, bèn khắc bài Minh vào trong chùa. Đệ tử thọ giới Bồ-tát soạn Lang Da Vương Trụ chế văn.

### ***7- Truyện ngài Thích Tuệ Bất trụ chùa An Quốc ở Thường Châu:***

Thích Tuệ Bất, họ Tương, người ở xứ Nghĩ Hưng; thuộc Thường Châu. Ông nội Sư là Huyền lược, vì trung hiếu mà đặng Triều. Cha của Sư là Nguyên Huống nhờ tài hoa mà đãi chiếu. Đều mang Ấn thao, đồng tấu đàn, v.v... Người chú của Sư là Nguyên Cử là bậc Công thần

đời Trần. Sân bày chiêng trống, đường trải Tam Tứ (xe ngựa ba con, và xe bốn con). Khách ngựa xe chen đầy thêm cấp, khách đàn sáo đông chật chỗ ngồi. Thấy Sư ở độ tuổi học trò mà tinh thần sáng ngời, mọi người đều lấy làm lạ và ngợi khen rằng: “Ông này nếu gặp được Phụng Đức thì sẽ có tài giúp Vua. Đã nổi trội gò má rồng, ắt ứng với Phong hầu.” Nhưng tâm tình Sư có chí muốn xuất tục, nhân đó mà đáp rằng: “Cái quý của Vô Vi có thể dùng để vui tình, phiền có tiếp đãi không lao nhọc đến người!”. Khi đó, Sư liền chỉ ăn dùng rau quả đợi chờ, bèn nghĩ thoát cởi giày.

Đến đời Trần, Vua Võ Đế (Trần Bá Tiên) như rồng bay, dựng lớn phước nghiệp. Niên hiệu Vĩnh Định thứ hai (năm trăm năm mươi tám), Sư thân hành áo mào, cắt bỏ lưới vây. Ba y mọi vật đồng một lúc thông cấp. Sư bèn đến chùa Huệ Điện làm đệ tử Pháp Sư Lãn. Pháp Sư Lãn là cây tre nhỏ ở Đông Nam, mà tiếng gió làm chấn động ao đầm. Vương tộc thấy tăng xoa hương là chúc. Sư đến gần gửi vâng thừa nhĩ huấn, nghe nhận Luận Thành Thật. Năm Sư hai mươi tuổi, Sư đến Hoài Hải, gặp ngài Bảo Lương. Minh thượng đang thạnh truyền bá Luận Thành Thật bản mới dịch. Hoảng Công ở chùa Thiên cung lại phụ giảng Tâm luận. Sư bèn hết lòng tìm xét, chuyên hết nguồn giáo. Do đó, Sáu Túc luận, tám Kiên-độ, bốn Chân, năm tụ, Sư đều thấu suốt như chỉ tay trên lòng bàn tay, không lằm để sót.

Niên hiệu Thiên gia thứ nhất (năm trăm sáu mươi) đời Trần, Sư đến các trường giảng, bên cạnh tìm cầu những bậc tài giỏi, thấy đủ trăm lương, tổ ngộ sự thấp hèn của cỏ tranh, thường lên ba hươu, buồn vì nổi xấu xa của thêm đất. Sư bèn bỏ Tiểu theo Đại, dời vết Cự chương, nghe nói tiếp sáng người Triết Công mở mang bốn luận. Sư nghiên cứu pháp vị mới mấy tuần mà tinh thông Huyền Cực. Vay đủ biết Đại Trí Bản hành đồng sáng như nhật nguyệt. Danh xưng vang rộng cùng xa như gió mây. Nhưng Sư thần tư trầm uất, từ nhĩ nén nâng, cắt rẽ bàn của muôn xưa, soi nhà tối đã trăm năm. Tại Chiết Tả rất khâm phục đức hạnh Sư so với Giang Đông.

Đến niên hiệu Thái Kiến thứ mười (năm trăm bảy mươi tám) đời Trần, Vua Tuyên Đế (Trần Húc) ban sắc mời Sư đến trụ chùa Báo Đức ở Trường Thành, giảng kinh Niết-bàn, Pháp Hoa, Chư tăng đông đầy giảng đường, Cư sĩ đầy chật chỗ ngồi. Mọi người đến hỏi nghi thức cầu đạo, tiếp gót thành rừng. Thọ giới tựa nương bày vai đông như chợ, không ai chẳng cho rằng: “Cổ hương trăm bước”, hoặc “Bạc Thánh ngàn năm”. Không bao lâu, Triết Công sắp thị tịch, bèn sai sứ mời Sư

về lại kinh thất. Ghế loan, phát trần, kinh sách nghĩa số, dự bày giảng nghi, tất cả đều giao phó cho Sư, muốn cho bánh xe chánh pháp chẳng ngừng xoay, hạt giống Phật nảy nở nối nhau. Sư bèn đánh lễ thọ nhận di lệnh. Trải qua sáu năm, Sư bày giảng kinh luận mỗi bộ đến mười biển. Điều tốt lành của việc trao truyền lại thấy được ở nơi Sư.

Đến lúc nhà Tùy đánh tội, thời vận nhà Trần kết thúc, Sư nghĩ muốn báo Ân đất, nói trở về quê cũ. Có chùa An Quốc do vua Võ Đế (Trần Bá Tiên năm trăm năm mươi bảy-năm trăm sáu mươi) đời Trần xây dựng. Nền móng hiện còn mà phòng nhà đều đổ nát. Sư bèn mạo phạm sương móc, chấn tích hun khói, rộng khuyến khích bạn lành, nguyện cùng sửa sang lại, nên chùa viện được sáng đẹp, cửa phòng trang nghiêm. Pháp Sư Chân Quán soạn văn bia chùa, viết rằng: “Gạch hoa đá cẩm sắp xếp nhiều thêm bằng, mùa hạ rêu phong, mùa thu sen nở, xoay quanh trang nghiêm, tháp đứng sừng sững. Trăng đến nguyệt điện lẫn lộn trên vách chiếu soi nơi làn sóng vàng. Ánh mây, đài mây, họa rường nường nơi lá ngọc. Còn như kinh tượng được sửa sang, chuông khách sắp đặt theo khuôn phép, ấy là Pháp lợi, đâu thể nói hết được!”

Đến tháng giêng năm Khai Hoàng thứ mười chín (năm trăm chín mươi chín) đời Tùy, Sư bị bệnh khí, có cảm giác di lưu. Qua giữa tháng ba, vào giờ ngọ, Sư thị tịch thọ sáu mươi ba tuổi, an táng tại núi Hoa Dương. Học sĩ Sa-môn Tuệ Phương là người nương tựa Sư lâu năm, nghĩa giải sâu mầu, có khả năng nhận lãnh việc truyền đăng, đều vâng theo di chúc, dựng lập văn bia ở tại chùa.

#### ***8- Truyện ngài Thích Linh Dụ trụ chùa Diễn Không ở Tương Châu:***

Thích Linh Dụ, họ Triệu, người ở xứ Khúc Dương; Cự Lộc; thuộc Định Châu. Từ thuở nhỏ, Sư đã có hành vi khác lạ cảm kích đến người. Mỗi lúc thấy nghi tượng sa-môn, thân tâm Sư tùy kính, nghe tiếng loài vật bị giết hại Sư cũng xót xa cõi lòng. Đến nỗi khiến trong làng xóm vang nức tiếng thơm, mọi người gần xa vì thế mà bỏ việc giết hại.

Năm sáu tuổi, Sư đã biết thọ giới. Cha mẹ cưỡng ép bỏ giới, Sư tự nguyện trong tâm chẳng phá. Bỗng trao cho Sư Chương Bản, có đến ngàn văn, từ tối đến sáng Sư đã viết tụng đều xong. Còn như Hiếu kinh, Luận ngữ, Sư mới đọc văn từ liền gồm thông chú giải. Do đó, cha mẹ Sư rất mến quý, mong Sư tiếp nối môn phong. Năm bảy tuổi, Sư xin phép cha cho Sư xuất gia. Nhưng cha Sư cho rằng tuệ giải sớm thành, ý chính là tiếp nối ở đời, quyết thể không chấp thuận. Chỉ bảo Sư học theo thể

tục chuyên tìm việc đời, đâu ngại chi đến Đạo Pháp!” Sư than rằng: “Đã bảy tuổi mà không được xuất gia, là một đời hư hoại!” Sư bèn đọc thông các thứ sách vở vốn có nơi Cha, Anh, đều bao gồm mọi điểm dị đồng, thâm hợp đến chỗ sâu kín. Chỉ Lão Trang và Chu Dịch, chưa dự thừa truyền đến năm mười lăm tuổi, Sư ngâm muốn trốn đời, gặp phải lúc cha qua đời, Sư phải theo thế tục năm chiếu cỏ chịu tang, trợ trợ vây quanh, chống gậy mới có thể đứng dậy. Rất nhàm chán cuộc đời, tâm ý mạnh mẽ nhưng Sư không dám giã từ mẹ, Sư lặng lẽ sang chùa Ứng Giác ở Triệu Quận, đến chỗ hai Thiền Sư Minh và Bảo xin xuất gia. Hai vị ấy cũng là người Phiếu Lãnh ở Đông Xuyên.

Thế rồi, ban đầu thẩm nhuần Đại Pháp, được thầy chỉ bảo tụng kinh. Sư nắm lấy quyển kinh mà phát lời thề rằng: “Nay tôi sắp học, trước phải cần tâm. Lời sâu mầu trong ba Tạng, nhất định phải thấu cùng yếu chỉ, cuối cùng không ở vào hạng Trung lưu, hạ lưu. Đến như hai giáo Nho Thích, phải thông hiểu khắp!” Năm hai mươi tuổi, nghe Luật sư Tuệ Quang là bậc tài giỏi ở Nghiệp Hạ. Sư bèn đến đó để nương tựa thọ học, lại không may Luật sư Tuệ Quang vừa thị tịch mới bảy ngày! Riêng mình Sư than thở không gặp được, giới luật biết nương tựa vào đâu! Sư bèn trở về chỗ Pháp Sư Phùng, nghe học Địa Luận, dần dà dưới Pháp tịch trọn ba năm.

Năm hai mươi hai tuổi, Sư mới tấn đàn thọ giới cụ túc, lại phải trở về nương tựa đức của hai Thiền sư Minh và Bảo, cầu làm Bốn Sư. Hai Thiền sư đều từ chối bảo rằng: “Ta không duyên với Ông, ta chẳng phải thầy Ông. Ông hãy đến những chỗ tốt hơn”. Sư bèn đến Định Châu mà thọ đại giới. Liên tụng hai Giới Bốn Tứ Phần và Tăng-kỳ, tự tay biên viết văn đó, chỉ trong tám ngày mà ngài viết và tụng đều xong. Có Thứ sử Định Châu là Hầu Cảnh thưa hỏi về Đạo hạnh của Sư, bèn tấu trình xin độ cho Sư thuộc vào Công danh, rất được quý trọng. Sau, theo hướng Nam, Sư đi đến Chương Phủ, tới chỗ Ấn Công, học luật Tứ Phần. Hễ nghe được gì thì Sư ghi chép điều ấy, thành được năm quyển và thực hành theo đó. Lại vì Địa luận lúc đầu Sư nhờ Pháp Sư Tuệ Quang mà Khai Ngộ, truyền bá mở mang dẫn dắt. Ngài Đạo Phùng và Tuệ Quang đều có biệt truyện. Ngài (Linh Dụ) nương tựa Pháp tịch ngài Đạo Phùng. Sớm tối tu thông, phát hiện kỳ đặc, phát hiện điều mới, đều cùng suy tập.

Có Vua Tuyên Đế (Cao Dương năm trăm năm mươi-năm trăm sáu mươi) thời Bắc Tề hoàng truyền thanh hành kinh Phật. Sa-môn Đại Thống Pháp Thượng oai thế trùm khắp các anh tài, người Học ngóng

trông Đạo phong, ảnh hưởng nương nhờ dùng làm bến bờ kiêu hãnh. Chỉ có mình Sư cậy vào tiết tháo chuyên tinh cao với chẳng sánh với người thường. Chỉ lo nghĩ chưa nghe điều đáng nghe, dùng làm kiêu kết. Sau, Thượng thống rất gượng sự cao sáng nên khâm phục và kính trọng Sư. Từ đó, Sư chuyên học các Bộ Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Địa Luận, Luật Bộ, đều rộng tìm cứu giải, gom góp mới lạ. Chỉ có các bộ Đại Tập, Bát-nhã, Quán Kinh, Di Giáo, v.v... về phần sơ giải Sư rút nghĩ từ trong lòng ngực, chẳng do thầy giảng trao. Sư lại theo ba pháp sư An, Du và Vinh nghe giảng Tập Tâm nghĩa, theo hai Pháp sư Tung và Lâm học Luận Thành Thật. Sắp tròn một năm, Sư hiểu suốt Nhị Thừa, cương lĩnh còn đầy đủ khoa cử, mà tinh sáng rộng giúp Lý, Tướng đều thông. Sư từng cùng chư tăng đồng bàn nói về Nho giáo, bên cạnh có giảng tịch, dự nghe qua thời gian, cả hai thứ nghe đồng tán giải. Cuối cùng dùng Tướng nghe để đáp cú nghĩa, đều không sót mảy may. Do đó ở Nghiệp Hạ Sư chiếm danh, xa gần đều nổi tiếng. Vả lại, Sư vẫn thẳng thắn, nghiêm nghị giữ lấy tiết tháo tự chuyên. Đến nơi Đô giảng cố gắng đáp thuật, ôm hoài bão chẳng tùy nhậm, người đời cùng Đạo, Sư trông tiêu tiếng lánh ẩn. Có việc chẳng thôi được thì Sư nhường mà nhận. Mùa hạ an cư năm thứ mười hai, Sư mới bắt đầu giảng mà danh tiếng đã rõ bày, ngôn lệnh như mới. Mọi người dự nghe nương tựa, bèn gọi Sư là “Dụ Bồ-tát”. Và đều theo lãnh thọ ba nhóm tịnh giới. Đại Pháp từ đó được truyền rộng.

Vì dẫn dắt mọi vật, Sư lấy làm việc thường. Ý vẫn còn giữ cương lĩnh, chẳng nương nơi chương cú. Còn như có sự trước sau giảng giải lại ngôn nghĩa chẳng đồng. Người quên nôm thì hội được Tông quy. Kẻ theo văn thì mất thú hưởng rộng xa. Gặp lúc Tề Hậu bị bệnh, cầu nguyện giảng Kinh Hoa Nghiêm, các vị Chiêu Huyền Thống đề cử Sư làm Pháp Chủ, bốn phương nhóm họp một nơi, xứng hợp với ngày trước. Bấy giờ có con gà trống thường theo chúng nghe giảng, đợi đến lúc tan giảng mới kêu lớn, bay lên trên cây cao ở phía Tây nam ngủ qua đêm rồi chết. Bỗng nhiên bệnh của Tề Hậu có giảm. Đó cũng là minh ứng của cảm thông. nội cung do vậy mà dâng cúng 300 bộ pháp phục Ca-sa, Sư đều nhận mà ban phát hết. Trong đời vua Văn Tuyên Đế lập chùa chẳng chỉ một ngôi, vua ban sắc mời những vị Cao Tăng Đức Vọng đến trụ ở đó. Bỗng lộc nước nhà cung cấp trọng đãi. Bấy giờ, Sư đang hun đúc làm xứng thủ. Vua thỉnh Sư ở chùa Quan. Sư cố từ chối mà nói rằng: “Ý nước nhà rất sâu nặng, Đức lớn chẳng phải ở người này, mong trao lợi này cho vị nào có đủ khả năng nhận lãnh!”. Sư từ chối vinh hạnh



trong thời thế đại loại như vậy. Có thiện sinh pháp cúng thì Sư thọ nhận mà không sợ. Sư nhiếp dẫn đào luyện, hoằng hóa lại như thế. Nên mọi hạnh tàng ẩn của Sư, người đời chẳng lường biết được!

Năm bốn mươi bảy tuổi, gần tri mạng, Sư bèn lắng đọng nhất tâm chú tưởng thiên lự nơi hang núi. Phạm Dương Lữ thị nghe Đạo phong Sư mà từ xa mời thỉnh. Sư thừa cơ hoằng tế chẳng vương mắc ở hành lý, Sư bèn đến đó, dừng ở giảng cúng, thường đông cả ngàn người. Thính chúng mừng vui trước sau lớp lớp. Sau, Sư trở lại Nghiệp Hạ, cùng các vị Pháp Sư thay nhau giảng nói. Tề An Đông Vương Lâu Duệ rất mực kính trọng chư tăng, lần lượt đến trước Sư, bất chợt kinh sợ toát mồ hôi, trở về hỏi mọi người mới biết đó là Di độ, liền vâng thỉnh Sư làm giới sư. Chùa Bảo Sơn là nơi Sư qua đầu tiên, Lâu Duệ làm thí chủ, dốc cúng vàng bạc của cải. Đức ngâm của Sư cảm hóa người là như vậy.

Lúc nhà (Bắc) Chu diệt nhà (Bắc) Tề, Phật giáo Đạo Giáo đều bị hủy hoại, Sư bèn ẩn hình trong đời, dùng ba thăng vải bố cắt vá làm áo mặc. Đầu quấn vấn sợi gai như chịu tang cha mẹ. Sư phát thệ nguyện nếu Phật pháp được hưng thịnh trở lại thì Sư mới tiếp nối nghi phục xưa cũ. Sư dẫn đồng bạn hơn hai mươi vị ở nơi xóm làng, ban đêm bàn luận chánh lý, ban ngày đọc sách thế tục. Học đã tham cứu đến sâu mầu, hễ thấy gì thì bèn viết lại. Mỗi thứ đều có bộ loại. Tên sẽ trình bày ở sau. Lúc đó, gặp năm đói kém, không có đường tìm ra lương thực, Sư bèn soạn một quyển sách bói toán, bảo bói đoán lấy giá, mỗi một ngày hai thăng gạo, đều đều như thế. Thế rồi lời nói như biết đến, người nghi rất đông, có được gạo rất nhiều. Sư tự bảo: “Người Dân trước kia có nói: “liếm mật nơi mũi nhọn sẽ bị tổn thương”, xét ở ngày nay”. Bèn đòi lấy sách bói toán ở trước mọi người mà đốt bỏ. Ngày khác đến, khoảnh khắc được giá, bèn quấn chiếu mà trở về. Được bao nhiêu lương thực thì kịp thời trở lại, để cung cấp cho mọi người đồng nguy ách, đủ được cả năm.

Đến lúc nhà Tùy khởi vận, Phật pháp xương minh trở lại. Đức hạnh Sư ngời sáng, những vị tài giỏi lúc trước thấy đều tham dự sưu tìm tăng bốc. Niên hiệu Khai Hoàng thứ ba (năm trăm tám mươi ba) đời Tùy, Thứ sử Tương Châu là Phiên Thúc Lược, bắt đầu mở giảng hội, thỉnh mời chư tăng, đều lập tiết trước, nêu bày dị Pháp, minh ký. Đồng một lúc ảnh hưởng, ngàn kẻ đẩy cửa. Sư đang ở đầu ngôi vị, được sung làm Phó Huyền Vọng. Vua Văn Đế (Dương Khiêm) có ban sắc bảo lập Tăng Quan. Phiên Thúc Lược bèn đề cử Sư làm Đông thống. Nhân đó, Sư nói với Phiên Thúc Lược rằng: “Đức của Đô Thống thì đức của tôi

đây chẳng phải đức ấy, Dụng của Đô Thống thì dụng của tôi đây chẳng phải dụng ấy. Đã không phải Pháp khí của đức dụng ấy, thì sự lý khó theo”. Mọi người đều nói: “Bỏ người này (Linh Dụ) thì việc tiến cử mất cương yếu”. Sau đó, Phiên Thúc Lược lại tỏ bày thỉnh mời, ngài mới đến xứ Yên Triệu, suốt năm năm hành hóa, đạo phong vang động khắp cả Lương hà.

Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (năm trăm chín mươi) đời Tùy, đang trụ chùa Linh Thông ở Lạc Châu, ban đêm ở trong sân viết một Điệp văn, nói về mạng báo ách ở Hàm Dương. Ban đầu, không ai lường biết như thế nào. Qua đến năm sau, Vua Văn Đế tôn trọng kính ngưỡng Phật giáo, xa hỏi những đứa trẻ tài giỏi. Tất cả đều nói: “Ngài Linh Dụ đức hạnh bao trùm, hiện thời đáng trông vọng!” nhân đó, Vua ban sắc chiếu rằng: “Kính hỏi Pháp Sư Linh Dụ trụ chùa Đại Từ ở Tương Châu; Trẫm kính vâng tôn sùng Tam Bảo, tâm quy hướng sâu xa, chỉ nguyện mở mang Đại thừa, hộ trì Chánh Pháp. Pháp Sư là bậc Phạm hạnh tinh thuần, lý nghĩa sâu xa, rộng thông Huyền giáo, khai mở dẫn dắt cho kẻ mù điếc. Kẻ tăng người tục thấy đều kính trọng khâm phục, nghĩ muốn làm ruộng phước. Người dân ở chốn kinh đô thấy đều trông ngóng, mọi người ở bốn phương xa đua nhau tìm đến. Ở nơi xa mời thỉnh Pháp sư, cùng xây dựng Công nghiệp. Pháp sư nên hiểu ý trẫm, sớm vào kinh!” Sư nhận được thư, chỉ nói: “Nguy ách của Hàm Dương, xét ở tại đây! Nhưng mạng có tùy gặp, có thể viện cố bệnh mà từ chối!” Sư lại nói: “Khi nghiệp duyên đã đến, Thánh cũng khó chống trái”. Sư bèn đi bộ vào Trường An, chẳng cưỡi xe quan. Năm đó, Sư đã bảy mươi bốn tuổi.

Vua Văn Tuyên Đế ban sắc sai người thỉnh Sư trụ chùa Hưng Thiện. Vua bèn ban chiếu cho Sở Ty nhóm họp chư tăng đức vọng, bình phẩm thiết lập Quốc Thống. Đại chúng bàn nghị đều phó thác vào Sư không một văn từ nào khác. Sư cười, bảo: “Đang thông với nhau, sao dùng v.v...?” Sư bèn dâng Biểu Văn, liền y theo đó chấp thuận để Sư trở về. Bộc xạ Cao Dĩnh, v.v... trong ý vẫn còn thống thiết, xem trọng, lại dâng Biểu Văn thỉnh Sư lưu lại, Vua liền ban sắc cho Sư ở nghỉ đó. Sư bảo: “Chủ nghĩa của một nước không có hai lời. Nay lưu giữ lại, tình chưa thể được!” Sư bảo với Môn nhân rằng: “Vua quan gần gũi lâu có lời thề rằng: gần thì khinh lờn người, xem thường pháp, lui về thì không ai chẳng xa kính. Nên ta châm chước phải trái”. Sau đó, lại có ba lần vua Văn Tuyên Đế ban sắc cố thỉnh, nhưng Sư vẫn gìn giữ như trước. Vua nói với Tô oai rằng: “Trẫm biết pháp sư Dụ là người cương chánh,

là người tự tại. Thật không thể làm khuất phục tiết tháo của người!” Vua bèn ban sắc, Tả Bộc Xạ Cao Dĩnh, Hữu Bộc Xạ Tô oai nhận lời mừng vui, các ông Tổng Quản Hạ nhĩ Bật v.v... đến chùa tuyên chỉ, thay thế vua thọ giới sám tội. Và đưa các thứ vải vóc, y phục, ba trăm xấp lụa ủng hộ xây dựng chùa núi. Vua tự viết biển ngạch hiệu là “Linh Tuyên”, giúp tặng ưu cấp có tiêu chuẩn hơn bình thường. Sư tùy sức đi bộ về đến Bốn ấp, nhìn lại rồi nói rằng: “Tệ ách qua lại chẳng mất ư?” Do đó, Vua ban sắc hỏi han thường vội vàng, cung cấp cúng dường chất chồng. Những người có nghi cầu xin giải quyết không nơi xa nào chẳng đến. Những người ảnh hưởng phong thái, gọi mình trong Đạo lại kết tụ như trước.

Sau cùng, Sư lại đến trụ chùa Diễn Không ở Tương Châu thuộc Trị Tây, nắm giữ tiết tháo càng bền bỉ, dấn đức hạnh càng trang nghiêm. Vua Văn Tuyên Đế nghe thế, lại ban sắc chiếu rằng: “Kính hỏi Đại đức Pháp Sư Linh Dự ở chùa Diễn Không; Trẫm kính ngưỡng Thánh giáo, trùng hưng Tam Bảo, muốn cho tất cả Danh linh đều được đơm nhuần phước lực. Pháp Sư xả bỏ xa lìa trần tục, gieo mình trong yếu chỉ Pháp môn, tinh thành như thế, rất xứng hợp với lòng Trẫm!” Sư được Quốc chúa thăm hỏi đại loại như thế.

Vào niên hiệu Nhân thọ (sáu trăm lẻ một-sáu trăm lẻ năm) Vua Văn Đế phân bố xá-lợi. Ở các châu xây dựng tháp báu phụng thờ, có nhiều điềm biến hiện, người đương thời đều mừng vui cho đó là điềm lành. Sư nghe thế mà than rằng: “Tướng ấy là họa phước đều phô bày! Do tạp hoa trắng, cây trắng, tháp trắng, mây trắng cùng hiện duyên tốt lành, đó là điềm xấu!” Lúc đầu, mọi người đều không tin lời đó. Không lâu sau, Hiến Hậu và Vua Văn Đế đều băng. Cả một nước đồng mặc áo trắng. Lời nói của Sư mới thật có chứng cứ! Thứ Sử Tương châu là Nội Dương Công Tiết Trụ, tảng đá nơi nhà ở bỗng nhiên biến thành ngọc. Tiết Trụ cho đó là điềm lành bèn thiết trai cúng dường để mừng. Sư bảo: “Đó là lưu ly! nên phải cẩn trọng rắn dè, Hãy cầu cúng để tạo phước.” Nhưng Tiết Trụ không nghe theo lời. Sau, Dương Lượng khởi nghịch sự việc có tương duyên, bèn bị lưu đày đến biên giới. Hối tiếc lời xưa không thận trọng thì đã muộn màng. Lại, tại núi Hàn Lăng xây dựng một ngôi tháp báu chín tầng. Cuối niên hiệu Nhân thọ (sáu trăm lẻ năm) đời Tùy, chỉ mới xây được bốn tầng. Một buổi sáng, bỗng nhiên ngài thúc giục rằng: “Tất cả đều vô thường, sự việc có chướng tuyệt”. Bèn suốt đêm xây dựng, mới sắp xong tầng thứ tám, bỗng có lệnh cấm không được làm, chỉ được thiết tòa đặt ghế. Gặp phải sự cố Tấn Dương,

mọi người không thi thố tay chân. Sư bảo lại phải đợi đến năm sau. Mọi sự sáng suốt thấy biết trước của Sư đều đại loại như thế.

Khi đó, ở Nghiệp Hạ có lời rằng: “Pháp Sư Linh Dụ sắp qua đời!” Kể tăng người tục đồng nhóm họp rất đông bảm thọ quy giới. Phỏng Truyền lời ấy không theo. Sư cũng tin phước mạng đã đến lúc hết, bèn chỉ bày răn dạy thiện ác. Sư khuyên môn nhân đệ tử theo Giác ngộ chẳng hơn. Đến ngày thứ bảy, ngài cầm bút làm hai bài thơ. Bài thứ nhất là “Buồn mau kết thúc”. Sư viết rằng:

*“Hôm nay ngôi nhà cao, sáng mai nằm trên gai  
Một đời hẵn đã trọn, lai báo bao giờ dứt!”*

Bài thứ hai là “Buồn vĩnh viễn mất”, Sư viết rằng:

*Mạng dứt, xa đường người xác đưa trước cửa Quỷ  
Từ sau lần biệt này, năm nào gặp lại ư!”*

Đến đêm tối, Sư bảo thị giả rằng: “Nay đau ở lưng, ta sắp đi rồi!” Đến canh ba bỗng nhiên cảm thấy có mùi thơm lạ khắp phòng. Trong ngoài đều kinh ngạc. Sư tĩnh lự, miệng niệm Phật nối nhau đến lúc mặt trời ló dạng thì Sư thị tịch tại chùa Diễn Không, thọ tám mươi tám tuổi. Lúc đó nhằm ngày hai mươi hai tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp thứ nhất (sáu trăm lẻ năm) đời Tùy, buồn bã xao động cả chùa núi. Sau đó, an táng bên cạnh chùa Linh Tuyền ở Bảo Sơn, xây tháp báu cao nghiêm.

Ban đầu, Sư thanh bạch trinh thuần, nghiêm khiết bản thân, chánh khí như mây xanh. Khí thức vững chắc, sáng suốt dấu vết ngoài trần. Thầy trò truyền trao nhờ đó mà được người. Thân có ánh sáng trắng soi chiếu nơi u tối, liếc lên cao nhìn thấy xa gần, vâng phụng cấm giới tự giữ, dứt bật sự đời phiến toái. Chí thành nương Đạo, khắc niệm ngang bằng bậc Thánh. Mẹ của Sư bệnh đến lúc trở nặng, Sư tìm về thăm thì đã qua đời. Giữa đường nghe tin, cuối cùng Sư chẳng được gần. Sư than rằng: “Ta đến thăm mẹ, giờ thấy nơi nào!” Nên trở về chùa tạo phước cho đời sau.” Sư cắt bỏ thân ái đại loại như thế.

Còn như khuôn phép hồng Pháp, then chốt chính của muôn đời, ý chí còn ở nơi xa lớn, chẳng hạn cục riêng trao, nên có đơn giảng hai thời để làm độ thường. Lược văn đối giảng sinh thường, chẳng kinh chắc chắn có truyền giảng, nhưng cốt yếu phải mời thỉnh, cung thừa ngưỡng vọng mới lên Pháp tòa. Có một nơi nọ, Sư giảng gần một nửa, nhân nghĩ dạo xem, đến gần bên vườn kiệu. Sư hỏi đó của ai, có người đáp là của giảng chủ. Sư bảo: “Khởi đầu của Hồng Pháp là dứt trừ gốc lỗi, nghiệp ác chưa nghiêng đổ, thanh tịnh thông suốt ở chỗ nào? Giảng hội này

không thể tiếp tục nữa, nên giải tán đi, và Sư liền cầm lấy tích trượng, mang y mà từ giả đi ra. Giảng chủ thưa rằng: “Pháp sư chỉ giảng, việc này dễ trừ, lại không đáng phải lo”. Liền mượn cày cuốc và dân làng đồng một lúc phá bỏ hơn bốn mươi mẫu kiệu, sau đó trồng lúa. Tăng tục đều y theo đó. Sư ngôn hành không trái vượt, thật chỉ một người mà thôi! Sư giảng ngộ của Sư đầu nhỏ sau lớn, hơi tiếng oai hùng vang xa, đối biện không vấp vấp, nói năng ít trùng lặp. Hoặc một chữ bàn hoàn động dờn mấy ngày, hoặc trong một chỉ bèn tiêu mấy quyển, cho đến giảng sau lại đối khoa trước, thêm bớt vào ra, tùy cơ mà bày lấp. Đến nỗi khiến các người học nghi ngờ. Sư bảo: “Đó là khuôn phép rộng lớn của bậc Đại Sĩ, đâu thể dùng tình thường mà đoán được”. Nên mới mười hạ đầu mà Sư đã làm Lãnh tụ, mọi người đều nghiêng cung kính. Hoặc có lúc các vị đại đức đồng nhóm họp trước, vì tình mà đùa cợt, nhưng khi Sư vào pháp tịch, không ai chẳng nghiêm túc tự gìn giữ lấy mình, mọi ồn náo chợt tĩnh lặng. Do đó, ni chúng chẳng dám tham dự dưới tòa. Tánh Sư ngay thẳng, oai dung sáng ngời, mặc đồ vải xấu. Với người sang quý hay kẻ thấp hèn, Sư đều tiếp đãi như nhau. Đi lại do tự Sư, từng không đưa đón. Nên các hàng Thông Nho Khai sĩ chứa nhóm điều nghi, thưa hỏi quyết nghi, nghệ thuật dị năng ôm sách trình giải, đều đánh lễ nhận thọ, hết lời khen ngợi, lời không thể tả hết tình. Có thể gọi là ngôi trấn giữ nhà tục ở người ấy (Linh Dụ). nên tại Nghiệp Hạ có lời rao truyền rằng: “Pháp Sư Diễn nhiếp phục đạo mà không nhiếp phục thế tục, còn Pháp Sư Dụ thì đạo tục đều nhiếp phục.” Thật ra Sư đối không nghĩ suy, phát lời thành luận cho nên như vậy.

Sư lại xây dựng các phước nghiệp, chùa viện linh nghi. Sau, tại Bảo Sơn, Sư tạo lập một ngôi khám đã lấy, tên là “Kim Cương”, do ngài Tánh lực trụ trì. Mặt hang Na-la-diên riêng khắc tượng của Pháp tạng. Núi sâu rừng vắng, lời thiết việc bày. Mỗi mùa xuân chư tăng du sơn, đều đến tìm văn lý. Người đọc không ai chẳng sùi sụt mà giữ gìn tiết tháo. Sư để lại những di tích cảm hóa người đến như thế.

Từ trước mãi đến sau, đối với hai thứ ruộng bi ruộng kính Sư đều luôn gieo trồng. Ca-sa pháp phục Sư ban dâng hơn ngàn bộ, cung cấp thuốc than trị liệu cho người bệnh khổ có rất nhiều. Có được những thực ăn nông hậu thì cúng dường chư tăng trước. Thân dự ngang hàng, không chứa để mảy may. Những lúc rảnh rỗi việc giảng dạy, Sư luôn xoay mặt thẳng về hướng Tây. Hễ lúc khạc nhổ mà thấy trái Sư đều nuốt hết. Suốt một đời không bỏ. Thân chẳng đến chỗ không tốt, miệng không nói lời bất tịnh. Lại nuôi người dạy răn không bao giờ đánh mắng, cho

đến trách hỏi trẻ nhỏ, răn dạy môn nhân đệ tử, Sư tự nói tên mình, gọi người kia là Nhân giả. Lời nói trái tai thì bỏ, nghe mà rơi lệ. Tự có thầy trò ít nhờ khuôn phép ấy. Đến tuổi sáu mươi, Sư nuôi chúng ở hai phòng. Chọn lấy những người chưa đủ khả năng ở chỗ khác để chỉ dạy. Nếu có người lời nói và việc làm trái nhau, liền bảo ra khỏi chúng, vì giới luật không cho phép, phép tắc trong chùa không chấp nhận, đối với ni chúng nữ nhân thế không truyền giới. Cho đến tại phòng ở từ trước đến giờ, Sư cấm không cho người nữ bước tới. Đó là cách khuyên răn người sau của Sư, đại loại như vậy. Sa-di thọ giới cụ túc. Hoà-thượng Đức Hạnh rất khó tìm, nên trọn đời Sư chẳng làm Hoà-thượng Đền Đầu. Ngoài ra, làm tôn chứng thì đến giờ mới vào chúng, nếu trao cho ba nhóm tịnh giới thì cả bảy chúng đều truyền đủ. Nên khiến lúc Sư hoằng pháp, mới nghe nữ chúng phải vào chùa, đều vào sau ra trước, đi thẳng qua chẳng dừng lại, cho nên có pháp tịch thanh tịnh trang nghiêm, ảnh hưởng truyền ngụ bên trong. Thị giả cung cấp chẳng can dự đến sa-di. Tăng chế chân chánh bất luận chủ khách. Trong chỉ hộ Pháp, ngoài sửa đổi mọi lỗi lầm, thân mặc đồ thanh tu, chẳng dùng tới lụa là, khố xóa trên mắt cá cách bốn ngón tay. Tay áo dài chỉ tới ngang khuỷa. Kỳ Chi dài chỉ ngang chân mà thôi. Giả sử thấy mặc áo may quá kích cỡ thì ngay giữa chúng, Sư cắt bỏ. Nên khố mới ngang lưng, bông dạ chần đắp, lông da thượng sắc, tiền báu mọi vật đều chẳng đem vào phòng, hưởng gì thân dùng lấy mà làm tư cụ. Sư sống đơn kiem như thế sau mới dạy bảo. Sư thường mặc y năm điều, từ trước đến nay thường dùng vải bố. Nếu có người dâng cúng gấm lụa thì Sư cho người hết. Kỳ-chi cũng vậy. Ngoài ra, Sư chỉ mặc áo nạt thô xấu mà thôi. Ở đời có những sự kích thích đều dùng để làm mờ đến danh giả, hoặc có lúc đến đó, Sư bảo: “Tôi nghe người Quân tử tranh danh, kẻ tiểu nhân tranh lợi, làm sao mà từ chối ư?” Có người nói: “Danh là vốn, Lợi là duyên”. Sư bảo: “Tôi được lợi thì liền mất danh”. Lại có người nói: “Như thế tức là làm bộ tốt.” Sư đáp: “Còn hơn thật tâm tạo tội”. Người đương thời cho đó là lời hay ý đẹp. Oai nghi chí hạnh của Sư đáng làm khuôn phép cho đời. Nên người viết truyện không để sót mất tiết tháo ấy!

Từ năm ba mươi tuổi, tức lúc Sư đang còn soạn thuật. Ban đầu Sư soạn Thập địa Sở bốn quyển. Địa Trì, Duy-ma, Bát-nhã Sở mỗi bộ hai quyển. Hoa nghiêm sở và chỉ quy hợp thành chín quyển. Đại Thừa Nghĩa Chương bốn quyển, Thắng-man, Ương-quật, Thọ-quán, Nhân Vương, Tỳ-ni Mẫu, Luận Vãng sinh, Thượng Hạ sinh, Di giáo, v.v... các kinh Sư đều soạn số ký. Thành Thật, Tỳ-đàm, luận Đại trí Độ, mỗi

bộ đều có số sao năm quyển, Thánh Tích Ký, hai quyển. Phật Pháp Đông Hành Ký, Chúng Kinh Tông Yếu, Dịch Kinh thể thức, Thọ Bồ-tát Giới Pháp và giới bốn chú thích đầu đuôi, Hoa Nghiêm, v.v... tự Kinh Luận, luận Đại Tiểu thừa Đồng dị, Xá-lợi Mục-iên-liên truyện. Sư lại soạn luận An Dân, luận Đào Thân, mỗi bộ mười quyển, Luận Khuyến Tín Thích Tông. Xác noãn thành sát luận tự bốn, bảy quyển. Trang Ký, Lão Cương, Thức Kinh, Triệu Vĩ, Tướng Lục, Y Quyết, Phù Cấm, Pháp Văn, Đoán Thủy Trùng tự, Tề Thế Tam Bảo Ký, Diệt Pháp Ký, Quang Sư Đệ tử thập Đức Ký, Tăng chế, Tự Cáo, Thập oán Thập Chí Tụng, Tề vong tiêu nhật tụng, xúc sự thân tình tụng. Tự phá Báo ứng ký, Hiếu kinh nghĩa ký, Tam hành Tứ khứ tụng, Thi Bình và Tạp Tập, v.v... tất cả có hơn năm trăm quyển. Lưu hành rất lâu ở đời. Lời không hoa xỉ, ít liên quan Cổ chế. Lược tình lấy lý, lâu dài mà thưởng vị.

Sư trao truyền Pháp, ý chuyên vào hạnh dụng. Nếu có người trái lại với thú hướng ấy, thì Sư bảo rằng: “Nguyên các bậc Thánh truyền giáo, giáo trùm nơi hành nhân, người đã không thực hành thì lại đồng như người chẳng học”. Có người chống trái, thì Sư gạt đuổi. Sư lại trọng Pháp thành người. Đọc hai bộ luận An Dân và Đào thân của Sư mục đích là truyền đấng mà tuệ lưu Dân phẩm, rất biết hạnh cao ấy. Chợt có sa-môn Hoàng Long, ở tại Nghiệp Trung, nghe khắp kinh luận, thiên luật không thứ gì mà Sư chẳng học, hạnh giải đều thấu suốt. Các người học giả rao truyền, nên lúc sắp trở về quận yên, cố đến nơi chỗ riêng của Sư mà đặt lời cầu thỉnh rằng: “Xin ngài chỉ bày cho một lời Pháp yếu, chỗ gọi là ngay nơi Giải là Hành có công năng kéo dài lợi ích cho Sa-môn Đạo hạnh”. Sư bảo: “Ắt Như lai nói lúc sắp từ biệt cùng bảo cho nhau!” Sau sắp đến đầu đường. Sư bảo: “Kinh dạy thiên luật sợ tạp thánh tâm. Một truyện Cao Tăng tức gồm Cảnh hạnh. Liền lấy sự báo trả qua lại để làm thân dụng!” Người ấy vui mừng mang truyện trở về quê hương. Đó thật là lớn soi ngoài vật, có ngộ có tông.

Lại nữa, khi bình sinh, lúc vào trong thì chẳng ngồi ngay trước. thuyết giới yết-ma không có Pháp truyền dục. Phương thuật phúng đọc can ngăn, nghe như dòng chảy. Khi đang ở kinh đô, Sư vào chùa Tịnh Ảnh, gặp lúc Bồ-tát, Sư vào ngồi trong giảng đường. Thấy Viễn Công thuyết dục, Sư khảng tiếng bảo rằng: “Tuệ Viễn đọc số mà nói: Pháp sự nhân duyên, chúng Tăng nghe giới, có thể là ma nói”. Cả giảng đường đều kinh hãi lấy làm lạ, bèn bác bỏ đó. Có vị Thức giả báo lại với ngài Tuệ Viễn. Ngài Tuệ Viễn rảo bước đến giảng đường. Sư bảo: “Nghe nhân giả hoàng Pháp, thân khiến dễ truyền. Hễ quen chuộng mừng.

Thánh cấm làm sao chuẩn? Sư Tuệ Viễn đánh lễ mà tự răn, ngậm khóc mà nhận thọ. Do đó, mãi đến lúc thị tịch, ngài Tuệ Viễn thường đến Pháp tập. Sư làm cho sinh vật tin thuận đều như thế. Từ khi giáo pháp lưu truyền đến Đông Hạ, Hoá nghi có khác, v.v...còn như lập giáo thì hành giữ tín cả ngàn năm, chỉ có một mình Sư.

**9- Truyện ngài Thích Tuệ Tạng trụ tại Đạo tràng Không Quán ở Tây Kinh:**

Thích Tuệ Tạng, họ Hác, người ở xứ Bình Cức, nước Triệu. Năm mười một tuổi, ngài xuất gia, liền theo giảng. Chưa thọ giới cụ túc mà ngài đã thường giảng kinh Niết-bàn, phân vạch sâu xa, phù hợp Văn Chỉ. Đến lúc luật nghi tròn đầy, Sư lại chuyên nghiệp Tỳ-ni. Hạnh ngang bằng như hạt ngọc sáng, giải vượt cả tiền đạt. Tuy chưa nghe các kinh luận Đại Trí Độ, Thập Địa, Hoa Nghiêm, Bát-nhã, v.v... mà Sư đã rộng thấy, khắp người ai chịu suy tôn. Chỉ sâu cùng tánh thể, nghĩa nạn đề phục, đều ngưỡng tạ cao đoán, ít ai chẳng bắt chước.

Đến năm bốn mươi tuổi, Sư mới ngậm ở Cáp sơn, ăn lá cây, uống nước suối, lắng tâm nơi kín mầu. Nghiên cứu rõ ràng tuy rộng sâu, nhưng Sư chuyên lấy Kinh Hoa Nghiêm làm Bản Tông. Thấu suốt cùng tận u vi, mà chưa lường biết được tà chánh. Kính mong bậc thánh giúp sức, mong chỉ bày cho biết được đúng sai. Ngay trong đêm ấy bèn có linh cảm, giữa hư không có tiếng bảo rằng “Đúng! Đúng”. Đã nghe báo như vậy, nhân đó Sư liền soạn nghĩa sớ, đích thân tự truyền bá mở mang. Người học đến dự thấy đều hưởng ứng. Tề Chúa Võ Thanh ban thư mời thỉnh. Sư đến diện Thái Cực khai giảng Kinh Hoa Nghiêm. Học chúng nhóm họp, Sĩ tộc đều vân tập. Khi ấy rất đông đúc, làm thành sự hưng thịnh của Đại Quán! Từ đó, Sư chuyên hoằng truyền bộ ấy lưu bố rộng khắp.

Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung) thời Bắc Chu phá hủy kinh đạo, Sư bèn đức bật dấu vết nơi nhân gian, gá nghĩa chốn mây khói, giữ gìn giềng mối. Mãi đến đầu đời Tùy, khai mở giảng pháp, Sư liền dự xuất gia. Sư giảng dạy tan yếu chỉ sâu mầu, kết quy về đường khai ngộ. Sư hoằng hóa từ Đông Xuyên như gió thổi qua cỏ rạp mình, hạnh thành đạt nghĩa, dùng đức để dụ nhân, băng và ngọc vuông tâm, thông và quân cùng chất, nên mưa Pháp thường tuôn, gió nhân quạt khắp, khiến cho các hàng tăng tục vui mừng sự sống lại ấy. Tâm mịt mờ được mở giúp!

Niên hiệu Khai Hoàng thứ bảy (năm trăm bảy mươi tám) đời Tùy,



Vua Văn Đế (Dương Khiêm) thừa kính đức âm, xa sai người mời thỉnh. Bồ luân đã ban, chẳng trái với luân ngôn, Sư thừa cơ lập giáo, lợi ích cho kiến đại nhân, chống tích trượng đến kinh đô, liền yết kiến Vua, vâng thừa minh chỉ, Sư kíp trình bày Áo chỉ. Chỗ Sư đào luyện dẫn dụ xứng hợp tâm vua. Tức Sư là một trong sáu vị đại đức. Vua ban sắc lễ thêm đặc biệt. Nên chỉ trong vòng hai năm bốn mùa Sư chẳng sơ sót. Sau Sư đem Bát-nhã Thích Luận để giảng dạy, phần nhiều người đạt đến khế thưởng đều không ưa chuộng. Bấy giờ, có các Sa-môn Trí Ổn, Tăng Lãng, Pháp Ngạn, v.v... đều là những bậc Đức Vọng ở kinh thất, thần tuệ cao vời, tiếp thừa cứu tập, ít kính phụng tâm văn. Mới thỉnh Sư giảng Luận Kim Cương Bát-nhã. Hơi tiếng Sư cắt đứt ráng mây, trí tuệ sáng vượt những người tài giỏi đương thời. Cùng muốn cứu vớt người bị cháy người bị chìm, nên vì diễn giảng. Bấy giờ, tuổi Sư đã già, sức lực tư duy rộng sáng, Chỉ nêu lên giềng mối, nêu lý mới lạ, bao gồm từ nghĩa, lời không phù phiếm, nên những người bảm học điều ích lợi luôn lo sợ Sư dứt tiếng, nên đều tôn sùng và kính trọng.

Đến ngày hai chín tháng mười một niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (sáu trăm lẻ năm) đời Tùy, Sư ị bệnh và thị tịch tại chùa Không Quán, thọ tám mươi bốn tuổi. Lúc sắp tịch, Sư thành tâm muốn cứu giúp rộng rãi, căn dặn để lộ bày hình hài. Đệ tử kính cẩn vâng theo di quyết của Sư, đưa nhục thân đến đặt cạnh bìa rừng, phủ che xương khô mà xây dựng tháp, tại ngọn núi phía trước chùa Chí Tướng, núi chung nam. Lập bài Minh tán dương đức hạnh Sư, dựng tại chỗ tháp. Sau, có Sa-môn Minh Tác soạn văn bia, xin xem ở biệt tập.

#### ***10- Truyện ngài Thích Trí Thoát trụ tại Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô:***

Thích Trí Thoát, họ Thái. Tổ tiên Sư vốn người xứ Khảo Thành ở Tế Dương, nhân làm quan lưu nhậm nên thành người ở quận Giang Đô. Ông nội Sư tên Bình, làm Thái thú Tân Xương thời nhà Tề. Cha của Sư là Viễn Trân, làm Bắc Duyên Châu Tư Mã thời nhà Lương. Đêm mới sinh Sư có ánh sáng thần soi chiếu khắp phòng. Trong khoảng mười ngày dòng sữa bị khô cạn tự nhiên nước tràn đầy. Đó là điềm ứng hiệu đức tuệ sắp sáng, dòng pháp cùng dẫn. Lúc còn nhỏ, Sư đã có phong nghi đỉnh tú, khí điều cao xa.

Năm bảy tuổi, Sư xuất gia, làm đệ tử Pháp Sư Dĩnh ở Nghiệp Hạ. Pháp Sư Dĩnh là bậc đạt sâu trong Pháp Lữ, tài giỏi trong Thích chủng. Đối với các Kinh Hoa Nghiêm, Thập Địa thấy đều thấu suốt Chương

lưu, nên Sư chuyên kinh hỏi đạo, chút thời gian cũng không bỏ, cung tường nhiều lớp mũi nhọn, Sư đều vào được cửa. Lâu sau, Sư lại nghe Pháp sư Cường ở Giang Đô giảng luận Thành Thật và Tỳ-đàm. Phân dòng khác phái xen lạp đều hết, rễ bàng giá tiết vượt nhận có dư. Liên ở trong đại chúng tiện việc giảng lại, như rót bình xâu ngọc rút kinh nghiệm tại đó. Tăng tục thán phục đều nêu cao thần lược.

Bấy giờ, có Pháp Sư Tước trụ chùa Hưng Nghiêm ở Đan Dương là bậc tiếng tốt thật vang lừng của Thành luận, xa gần đều hướng về, riêng bước ở Giang Biểu. Sư được đơm nhuần giáo nghĩa dưới phong hóa, nghĩ hưởng Pháp vị. Khi đã đến Kim Lăng, nghiêm cơ ý chỉ sâu mầu, tinh thần bao gồm từ lý, vang danh khắp hai kinh. Sư thường yên ở, lánh chỗ thính đàm Huyền luận, Pháp sư Tước cũng rất tán thưởng, gọi là “Trọng Khí”. Đến lúc cao tòa bảo mất ba ngàn đều còn, xin bảo môn đồ để cùng phó chúc. Sư bèn tiếp tục bày giảng giáo nghĩa thường xoay bánh xe pháp. Bộ của Hưng Nghiêm từ đó được vinh thịnh. Đã được sự biết người của Luận chủ, lại khen ngợi hồng giáo của Truyền đăng, nên sự mài giũa, uốn nắn môn đồ pháp lữ không thôi nghỉ ở đương thời. Chúng bạn có hơn trăm người, nhưng tài giỏi chỉ có mình Sư, các bậc thành khí có chín mươi vị. căn cứ vào công phu của việc mở mang giáo hóa ấy, thật xưa nay ít có.

Vào niên hiệu Chí Đức năm trăm tám mươi ba-năm trăm tám mươi bảy) đời Trần, Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo) thỉnh Sư vào nội cung, giảng nói khai ngộ, phát động Thần cơ. Từ Anh em Vương Bá Sơn ở Bà Dương, Bộc Xạ Vương Khắc, Trung Thư Vương Cổ, v.v... đều rất kính ngưỡng, đều tỏ bày tình thầy trò. Vào đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm năm trăm tám mươi một-sáu trăm lẻ năm) lưu tâm đến Pháp Bảo, mở mang Chỉ Giáo, thiết trai cúng dường, khai giảng tại cung Kỳ Dương. Có ban chiếu thỉnh Sư lên tòa báu. Bèn sai bảo Xá nhân Thôi Quân Đức tuyên đọc chiếu chỉ rằng: “Xưa riêng bước một phương chưa đáng làm quý. Nay làm Luận chủ bốn biển mới thật thấy Anh tài, v.v...” Sư liền mở lời kháng luận, phân cắt như dòng chảy, không ai chẳng ngậm miệng cứng lưỡi, quay xe trở về đường cũ, mào cờ sạch tai thường động đến trông dung. Vua tôi mở mép ngày đêm quên mỗi nhọc.

Khi Vua Dương Đế (Dương Quảng, đời Tùy) đang trông coi ở Vu Giang. Ban đầu xây dựng Tuệ Nhật, thịnh hành tìm người có tài nghệ khác lạ, bao la khắp núi Biển. Sư dùng tuệ nghiệp vượt ngộ, bèn mới bắt đầu tham dự, đã ở chỗ ngang bằng mà công phu gấp bội, trau dồi học nghiệp. Ngày đêm cùng buộc ràng, trông xem khắp các Bộ, mà nêu tính

manh mẽ không ai vượt trước, mở lời chắc chắn thành luận. Cổ vũ khơi phát chi phái, sâu cơ hội tông, nên đạo tràng toàn là bậc hiền giả tài giỏi, học môn kính ngưỡng, mà Sư nhả làm luận sĩ, đại chúng đều suy tôn.

Sau, Sư theo Vua Dương Đế vào kinh đô, trụ chùa Nhật Nghiêm. Sai Học sĩ gia Cát Dĩnh mang giáo thư thỉnh giảng, từ đó Sư vâng mạng hoằng hóa, tiếng tăm vang cả Thiên triều. Từ Giang Nam, luận Thành Thật đều có soạn Nghĩa Chương. Còn như Luận văn chưa từng thấu qua. Sư phấn khích bậc tiên đạt, thưa hỏi luận ấy, cầm bút soạn sớ làm tiêu tan những tiếng tăm, làm cho đức hạnh tràn khắp, từ trước trở lại càng tốt đẹp hơn nhiều. từ Khi Vua Dương Đế ở tại Vọng Uyển mở rộng suy tập Huyền du, cho rằng Sư là bậc có tiếng tăm động cả vật tình, bèn bảo Sư sửa sang Luận Sớ, vốn đã điều suốt, quyển bộ sắp thành. Sư bèn tổng kết, làm thành bốn mươi quyển, tấu trình lên Vua. Đến lúc Hiến Hậu băng, việc phước càng mở rộng hiển bày, bèn thỉnh năm mươi vị Anh Đạt ở chùa Nhật Nghiêm vào nội điện Thừa Minh liên tiếp suốt thời gian hành đạo.

Sau đó, Vua lại ban sắc bảo Sư giảng Kinh Tịnh Danh, khi Trữ Hậu đích thân đến thì đã thành tập. Có Sa-môn Cát Tạng được thỉnh ngồi ở hàng đầu, là người có văn từ sắc bén phấn phát, bút lấp cả Huyền du. Kể tăng người tục tự nhiên không ai chẳng cúi đầu tôn kính. Sư cho là Đồng Pháp nên cùng kính nhường, chưa được hết lời. Ngài Cát Tạng bèn hiển bày đức tính tự khoe khoang, hơi có tướng chỉ trích bài xích. Khi giảng văn đến đoạn “Ba cửa giải thoát”. Sư bèn hỏi rằng: “Ba cửa giải thoát lấy gì bắn rơi?” Ngài Cát Tạng bảo: “Chưa hiểu về nắm cung, làm sao nói về phóng tên!” Sư liền dẫn cứ nêu bày xét khám vượt trội cả mới lạ, nên làm cho mọi người giải thích không ai chẳng ngồi tại chỗ mà ngậm nín. Nhà vua bèn phân rành phẩm trật, lượng xét theo đức hạnh, y cứ từng ngôi vị mà diễn giảng. Thế rồi, Sư ngồi ở đầu hàng, bèn dốc tận nỗi lòng. Vua bèn bảo Sư cùng Pháp sư Đạo Trang lần lượt thay nhau lên tòa cao luận bàn Huyền lý. Khách chủ không cạn hết, các hàng quý đạt đều mừng vui. Từ Hậu ngợi khen tải hình âm chỉ, thường sai Thứ tử là Trương Hành đến ân cần thăm hỏi, nói rằng: “Pháp sư là bậc Thạc học sâu sắc, xưa nay ít ai ngang bằng. Kính xét những điều bàn nói xứng thật chẳng lường dối, xem đọc các luận sớ soạn trước, sáng đầy tâm mắt. Nên có thể soạn Tịnh Danh sớ và Đại tiểu Danh sớ, tiện cấp cho thư lại tìm ghi khắc thành”. Sư bèn soạn Thích Nhị Thừa Danh sớ, bốn quyển, Tịnh Danh sớ, mười quyển, thường tự bày đọc xem vui. Lại sai thợ đắp vẽ tạo tượng ở tại Bảo Đài để cúng dường. Những

lúc nhà vua đến, đều cúi mình kính lễ, chiêm ngưỡng di ảnh mà tự hồ như đối diện với chân thật.

Đầu đời Lương, có Pháp Sư Diệm soạn thuật Thành Luận Huyền Nghĩa mười bảy quyển. Văn từ phiến nhiều dôi dào, khó mà tìm đọc. Người học chỉ truyền cho nhau, không ai dám sửa cho đúng. Sư bèn nghiên cứu rạch ròi yếu lĩnh, diễn xướng mới mẽ, lưu lại nghĩa lý, quên bỏ lời, nghĩa sâu gấp bội. Quyển pho nhân vẫn như cũ, Tông Chỉ không đổi khác, lưu hành rộng rãi ở đương thời, mọi người đều mừng vui. Đó thật có thể gọi là gương trong lau bụi càng sáng. Ngọc báu ánh ngời mà càng thêm sắc thái vậy! Vào những năm cuối niên hiệu Nhân thọ đời Tùy, Vua Dương Đế chuẩn bị lên ngôi. Do vì Sư sớm đã thuận hậu, tình còn sâu trọng, nên Vua ban tặng Sư bốn trăm xấp lụa, để làm tán dương quyết đức. Đầu niên hiệu Đại nghiệp đời Tùy, Sư theo Vua Dương Đế đến lạc ấp.

Đến cuối mùa đông niên hiệu Đại nghiệp thứ hai (sáu trăm lẻ sáu) đời Tùy, Sư nhận biết trong thân bị bệnh, nhưng tự cố gắng chẳng ngừng nghỉ. Còn chuyên việc Pháp Diên. Qua ngày mồng chín tháng giêng niên hiệu Đại nghiệp thứ ba (sáu trăm lẻ bảy). Đệ tử Sư là Trí Tường và Trí Tôn vào hầu thăm bệnh. Bỗng nhiên có mùi thơm lạ xông khắp phòng, ánh sáng màu đỏ soi chiếu qua khung cửa. Đêm đó, ngài dùng nước thơm tắm gội súc miệng, để lại sơ khấp cùng, rồi an nhiên ngồi thẳng chánh niệm mà thị tịch, thọ sáu mươi bảy tuổi. Vua Dương Đế ngồi kiệu buồn thương đến viếng điếu, cung cấp nông hậu, ban sắc cúng thí ba trăm món vật, mọi sự cần thiết trong lễ tang thảy đều chu cấp, Vua lại ban sắc Hoàng Môn Thị Lang Trương Hành trông coi ủng hộ.

Ban đầu, Sư mới truyền Đạo. Tiếng lời biện luận trong suốt. Đại chúng không ai chẳng tuyên dương. Sư nêu tông khống dẫn đều là những loại có liên quan. Chương số tuy xưa cũ mà bày giải như mới. Đến các điểm ẩn hoạt, Sư đều xem xét nhiều lần. Mọi người cùng dự trong pháp hội thảy đều dứt sạch mật mờ. Ngài tìm văn xét nghĩa, công phu chẳng luống dối, tự được mở mang dẫn dụ nên trở thành khuôn mẫu, ít tiếp nối vết trần ấy. Ban đầu, thường những lúc Sư khai giảng đề, thì mộng cùng đứng ngang với tôn tượng do Vua Ưu-điền tạo nên. Ấy há chẳng phải công dụng trụ trì Tam Bảo ngang bằng nhau hay sao? Lại có các chỗ nghi ngờ về nghĩa lý, trước kia chưa rõ hiểu thì liền thấy có vị Phạm tăng tùy chỗ mà giải thích.

Khi Sư chưa thị tịch, mộng thấy có một Đồng tử tay cầm hoa sen đến thưa với Sư rằng: “Trời Đế-thích sai đến thỉnh Sư giảng Pháp!” Đến

ngày thị tịch, Sư cũng lại thấy mộng ấy. Xét về tư tưởng sáng suốt thông thấu u vi của Sư, tiếng tăm càng khắp trong nước, diệu cảm linh ứng đâu chỉ tự nhiên. Sư giảng các kinh Đại Phẩm, Tịnh Danh, Niết-bàn mỗi bộ ba mươi biến, Thành Luận, Văn Huyền mỗi bộ năm mươi biến. Sư trao truyền học nghiệp, có các Học sĩ Tuệ Thuyên, Đạo Quán. Ngài Tuệ Thuyên tiếng tăm đức hạnh vang khắp song Dương. Ngài Đạo Quán lại lập tách cứng rắn, mỗi việc đều nổi gót mở mang, tiếng tăm vang vọng ở đương thời.

Đến ngày mười lăm tháng hai năm đó (sáu trăm lẻ bảy) thử dựng lập phượng phần tại núi Bắc Mang ở làng Kim Cốc thuộc Huyện Lạc Dương, dựng bia bên cạnh, văn bia đó do Ngô Thế Nam người xứ Cối Kê làm Bí thư Lang đời Tùy soạn. (Trong niên hiệu Đại Nghiệp (sáu trăm lẻ năm-sáu trăm mười bảy) đời Tùy, sau khi Sư thị tịch, xưa kia Sư với Cát Tạng vốn tình chẳng đũa bõn, nên mới gá thân nơi sa-môn Tuệ Tặc, là người bị bệnh, bày đủ duyên trước. Tạng Công nghe và thấy, bèn cùng bàn luận, dốc lòng kính lễ, nhận gá tình xưa cũ, nên mọi sự tối sáng đều chẳng rơi vào đầu mối).

#### ***11- Truyện ngài Thích Pháp Trìng trụ tại Đạo Tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô:***

Thích Pháp Trìng, người xứ Ngô Quận, Sư thưở thiếu thời, cơ Cảnh, khéo hay đàm luận. Với các loại Văn chương, thư sử Sư đều có đọc qua.

Ban đầu, Sư theo Lãng Công ở chùa Hưng Hoàng giảng nói Tam Luận. Đến những điểm giáo chỉ chống trái nhau, Sư đều điều lý mà thông xướng. Về sau, Sư nhóm họp đồ chúng mở giảng tại chùa Khai Thiện ở Giang Đô, thính chúng thường đông đảo, có hơn hai trăm vị tăng. Sư hoàng hóa khắp cả các xứ Ngô Sở, tiếng tăm vang khắp Hoài Hải. Mọi người mang kinh sách cùng tìm đến ngày càng đầy chỗ ngồi. Tấn Vương thiết đặt bốn đạo tràng, nơi nào Sư cũng được thỉnh tới. Sư an thời khai ngộ chúng sinh, mở mang dẫn dắt không ngừng nghỉ.

Niên hiệu Nhân thọ thứ ba (sáu trăm lẻ ba) đời Tùy. Sư vâng lệnh vua được mời trụ chùa Nhật Nghiêm, rộng lưu truyền mọi người xem nghe, hiến chương mới chế. Ngày giảng Luận Đại Trí Độ, tiếng tăm đức vọng càng trọng. Các bậc thạc học ở kinh đô đều đến tham yết học hỏi với Sư. Vua Dương Đế (Dương Quảng sáu trăm lẻ năm-sáu trăm mười bảy đời Tùy) dời giá từ Đông Đô đến Định Đảnh ở Lạc Dương. Sư theo ra Hào Hữu, vì bệnh nên thị tịch. Lúc đó, Sư đã ngoài bảy mươi tuổi.

**12- Truyện ngài Thích Đạo tràng trụ Đạo Tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô:**

Thích Đạo Trang, người xứ Kiến Nghiệp ở Dương Châu. Sư trải qua kinh sử, nghe học huyền luận, đều hiểu chỗ nêu đến, oai nghi cử chỉ Sư rộng rãi cao nhã, lập tánh điềm nhiên. Nên thưở thiếu thời Sư rất được đồng bạn mến chuộng.

Ban đầu Sư đến chỗ Pháp sư Quỳnh ở chùa Bàn Thành, thọ học luận Thành Thật. Các bậc Sư biểu Tông Tượng học môn thầy đều suy tôn. Sau, đến lúc Pháp Sư Quỳnh sắp thị tịch, muốn truyền trao sự nghiệp tiếp nối, mời khắp cả học đồ Tông Du đến, trông xem ban bảo. Đại chúng đều vái tạ suy cử Sư là người đáng được gởi gắm di chúc. Pháp Sư Quỳnh bảo: “Ông Đạo Trang học nghiệp sâu sắc tài giỏi, thật như rộng chọn lựa, lý đáng các sự hoài mong dùng để soi sáng về sau. Nhưng với hình Ông đầu lớn chân nhỏ, không bao giờ thành tựu về sau, sợ ông sẽ đổi vết theo các tông khác”. Bèn không thi hành theo kiến nghị của đại chúng. Về sau quả thật, Sư xem thường Tiểu thừa nên xóa bỏ mà quay về tôn sùng Đại Pháp.

Sư lại theo Pháp Sư Lãnh trụ chùa Hưng Hoàng, nghe giảng Tứ Luận. Chỉ một lần nghe qua mà thần ngộ vượt trội, tuệ phát riêng cao. Sau, Sư vào Nội Đạo tràng, bấy giờ gióng lớn tiếng trống Pháp, cả chùa đều vinh dự hy vọng, không ai chẳng đến dự Pháp Diên, bái yết thưa hỏi điều thắc mắc trước, Sư bày giải không vướng mắc. Các vị tuổi tác đức hạnh cao thầy đều cung kính suy tôn.

Trước kia, khi nhà Vua đang ở tại đất Phiên, gởi thư kính lễ thăm hỏi, Thi luận Gia thiên, thường bảo Sư hòa cùng tiếp nối. Sư viết văn từ sắc thái phong nhã vượt thường, cảm động lòng người. Sau cùng, Vua lại thỉnh mời Sư đến kinh đô, trụ chùa Nhật Nghiêm. Nhiều lần được yết kiến, đáp kháng mạnh mẽ mới, dẫn đến Cung vi, thỉnh Sư giảng trao. Ngài chỉ bày lời tiếng tỏ ngộ trong lành hòa nhã, gồm cả Huyền Nho, đều ngợi khen Sư rộng thông cốt yếu. Về sau, Sư trở ra Khúc Trì ở ngôi thất cũ tại chùa Nhật Nghiêm. Lại giảng kinh Pháp Hoa, nói thẳng giềng mối. Chẳng còn Văn cú, soạn số giải ba quyển, đều là Phong cốt nhã thú. Sư nghĩa là đông đảo vua Dương Đế (Dương Quảng sáu trăm lẻ năm-sáu trăm mười bảy đời Tùy) ban đầu mới đến cho rằng Sư lưu luyến phong nhã, từ đạo vị mà có ra, ban tặng năm trăm xấp lụa, nệm Dạ bốn mươi bộ, Sư theo xa giá Vua đến Đông Đô, vì bệnh nên thị tịch tại Lạc Dương, thọ tám mươi một tuổi. Lúc đó nhằm đầu niên hiệu Đại

nghiệp đời Tỳ. Ngài có Văn tập mấy mươi quyển, phần nhiều lưu hành tại Hoài Nam, ít truyền bá đến đất Bắc.

### ***13- Truyện ngài Thích Pháp Luận trụ tại Đạo tràng Nội Tuệ Nhật ở Đông Đô:***

Thích Pháp Luận, họ Mạnh, người ở Nam Quận. Ban đầu, Sư trụ chùa Thiên Hoàng ở Kinh Châu, rành thông kinh giáo Nội ngoại, từ lý bén sắc vượt trội. Sư ở ẩn tại núi Phú Chu thuộc Thanh Khê, đấm trọng pháp vị Luận Thành Thật, nghiên cứu thấu suốt văn thể, những lúc rảnh rỗi đàm luận thì cầm bút viết thành thiên chương. Vua Minh Đế (Tiêu Quy năm trăm sáu mươi hai-năm trăm tám mươi sáu) thời Nam Lương mến trọng Sư thanh nhã trình thuần, rất hậu lễ thỉnh mời. Nhưng tính Sư rộng rang chẳng lưu tâm mọi sự người đời cúng dường, chỉ mang giày vải mặc áo cỏ bồ suốt cả đời. Vua Dương Đế (Dương Quảng) đời Tỳ, lúc đang ở đất Phiên. Xa nghe đức hạnh Sư bèn thỉnh vào đạo tràng, sớm tối cùng thưởng đối. Vua Có Tân Văn Tụng tập, đều thưa hỏi với Sư, ở đời rao truyền khen ngợi, kíp dời năm tháng.

Sau, Sư đến kinh đô, trụ chùa Nhật Nghiêm, bấy giờ vào khoảng niên hiệu Nhân Thọ (sáu trăm lẻ một-sáu trăm lẻ năm) dưới thời Vua Văn Đế (Dương Khiêm) đời Tỳ. Sư đến yết kiến vua, đặc biệt được được tiếp đối, đích thân vua đánh lễ. Vua Văn Đế rất vui mừng về sự tỏ ngộ trong sáng của ngài, bèn thiết lễ thanh trai tại điện Đại Bảo để cúng dường. Sư vừa lên tòa ngồi, liền dâng thơ mở đầu làm nói đức hạnh của Vua, Cung quán rộng lớn tráng lệ xưa nay. Vua Văn Đế càng thêm ngợi khen tán thưởng. Cho đến chỗ xuân phượng của Tấn Vương, ưu lễ càng nồng hậu. Trung Sứ Uy khéo dâng khải sớ cùng tìm.

Niên hiệu Đại Nghiệp thứ nhất (sáu trăm lẻ năm) đời Tỳ, Vua Dương Đế (Dương Quảng) sắp dời Đông Khuyết, ban sắc tặng Võ cây Thiên thu, mười Bộ Pháp Phục Ca-sa, năm trăm xấp lụa, bốn mươi bộ mỹ Dạ. Hoàng Hậu ban tặng Da nách chôn, nệm ngồi, và các thứ Pháp Phục, v.v... Cho nên nhờ đạo Vọng của Sư mà nhà vua và Hoàng hậu đều cúng dường rất lớn, đại loại như vậy. Nhân đó, Sư theo xa giá của Vua cùng đến Lạc Dương, sau đó không lâu, Sư thị tịch, thọ bảy mươi tám tuổi. Hoàng thượng buồn thương kính điếu, chu cấp mọi thứ rất nồng hậu, bèn ban sắc cho quan sở tại truyền đưa đến an táng tại kinh sở.

Từ lúc Sư bắt đầu đến với Phật pháp, yêu mến kính chuộng Văn Phủ, tuy bên ngoài liên quan tới Huyền nho, mà bên trong thì mở mang Phật giáo. Do đó góp nhặt Thiên Thập đều bắt đầu từ Đạo Phong Phật

giáo. Đang lúc Sư gom góp soạn thuật Danh Tăng sắp thành pho quyển, chưa hoàn tất thì đã thị tịch, nên không lưu hành được. Đoái nhìn lại các Cao Đức có rơi lạc nhiều. Sư có biệt Tập tám quyển, lưu hành ở đời.

**14- Truyện ngài Thích Tăng Xán trụ tại Đạo tràng Đại Hưng Thiện ở Kinh Đô:**

Thích Tăng Xán, họ Tôn, người ở Trần Lưu thuộc Biện Châu. Thờ nhỏ, Sư mến chuộng Đạo, lấy việc Du học làm mục đích. Các xứ Hà Bắc, Giang Nam, Đông Tây, Quan lũng, Sư đều có đến, không đâu chẳng thông kinh. Nên Sư vượt qua ba nước, đi khắp cùng các xứ Tề, Trần, Chu. Những nơi có Pháp hội, Sư hẳn không dẫm bước rỗng không, khéo nạn hỏi, giỏi rộng tìm. Điều quá xưa nay, phong huy xa gần, tự lấy hiệu là Tam Quốc Luận Sư. Dùng sự khéo xét làm động lòng người, đó là sở trường của Sư.

Niên hiệu Khai Hoàng thứ mười (năm trăm chín mươi) đời Tùy, Vua Văn Đế ban sắc thỉnh Sư vào Đế Lý ở chùa Hưng Thiện. Ngài từng trải qua đảm nhận việc chùa, nhóm họp hòa hợp Pháp chúng sửa trị, nhờ đó mà nổi tiếng. Đến niên hiệu Khai Hoàng thứ mười bảy (năm trăm chín mươi bảy) Vua lại ban sắc đặc cử Sư làm Tông tượng thứ nhất Ma-ha-diễn trong chúng gồm hai mươi lăm vị. Nên Sư soạn luận Thập chủng Đại thừa; đó là: 1/ Thông, 2/ Bình, 3/ Nghịch, 4/ Thuận, 5/ Tiếp, 6/ Tỏa, 7/ Mê, 8/ Mộng, 9/ Tương tức và, 10/ Trung Đạo, đều y cứ vào Lượng Kinh Luận, mở lớn dấu vết, đó cũng là phương tiện khéo léo của Sơ học. Và bèn ở tại chùa Tổng Hóa, Sư giảng thông luận đó để nhiếp học chúng. Sư lại soạn luận Thập Địa hai quyển, tìm xét sâu cùng đến chỗ sâu kín, quyết trạch xóa tan mọi chứa để nghi ngờ.

Đến niên hiệu Nhân Thọ thứ hai (sáu trăm lẻ một) đời Tùy, Vua Văn Đế (Dương Khiêm) ban sắc xây dựng tháp báu ở các châu quận, sở ty xét cửa các vị Đại đức phần nhiều đều chưa phải tuổi già lớn. Sư bèn muốn khai giảng mở mang Phật chủng, lưu bố rộng Hoàng phong. Đích thân dẫn các Đồng bạn như Pháp Sư Hồng Tuân, v.v... cùng tham dự sứ nhậm, lúc sắp khai phát kinh điển, Sư đích thân gặp mặt riêng tại sân Vua. Vua Văn Đế gần gũi trao cho Sư Linh Cốt và an ủi hỏi thăm rất ưu hậu. Sư tâu rằng: “Bệ hạ Chủ tâm đang giao phó việc Phật, rộng giảng bày Thánh tích. Tăng Xán v.v... chúng tôi đây kính ngưỡng như gặp được ánh sáng Đức từ. Có gì mừng vui an vui hơn như thế! Đâu thể vì già yếu mà từ chối sự trông mong của triều đình?” Vua Văn Đế rất vui mừng bảo: “Các Pháp Sư, v.v... há lại chẳng muốn trở về quê hương



gần gũi chăm việc hoàng hóa. Cần nên ban bảo sở Ty lo đủ mọi lễ, mỗi chùa đều tự đón rước về Bồ Châu!” Sư nhân đó vâng phụng sắc mạng, đón rước Xá-lợi về chùa Phước Quảng ở Biện Châu, lúc mới đến Công Quán, có mùi thơm lạ bay khắp viện, xông mờ như khói, đến khi sắp hạ tháp, trở lại động có mùi thơm lạ như trước, lại phát ra ánh sáng màu xanh sánh ngời phủ cả trường báu. Trong chùa có Xá-lợi cũng phát ra ánh sáng màu xanh, cùng với ánh sáng Xá-lợi nay mới đón rước đến liền nhau hòa hợp. Lại hiện ra ánh sáng màu đỏ ở nơi điện phật cao khoảng năm mét. Lại hiện ra hai thứ ánh sáng xanh đỏ xen lẫn trên cửa chùa, hai thứ ánh sáng đó ánh ngời nhau rất lâu mới tắt. Sư bèn thuật lại đầy đủ trên biểu văn để tấu trình, có nói rõ ràng trong biệt truyện.

Đến cuối niên hiệu Nhân Thọ (sáu trăm lẻ năm) đời Tùy, Vua Văn Đế lại ban sắc thiết lập tháp báu tại chùa Tu Đức ở Cốt Châu. Ban đầu mới đến dừng tại Quán Vũ, ban đêm phát ra ánh sáng màu vàng khắp đầy cả phòng nhà, có cả ngàn người đều trông thấy. Sau lại phát ra ánh sáng năm màu trong khoảng chừng bữa ăn mới tắt. Từ đó có người cầu mong thì liền hiện, không thể nói hết. Cho đến chùa tháp, ban đêm riêng phát ra ánh sáng chiếu soi khắp cảnh quan một ngôi chùa, đồng như ban ngày không khác. Có Triệu Oai Đức là người bị bệnh mắt đã nhiều năm, nhờ được ánh sáng ấy chiếu soi mà mắt được bình phục. Trong ngày hạ lại phát ra ánh sáng. Giữa khoảng không phía trên đỉnh tháp có mây năm màu xen lẫn nhau, hiện lên những hình tượng như là Hiền, Thánh, Tiên, người, rồng, phụng, cây rừng, v.v... đứng trang nghiêm trong mây. Cả mấy muôn sĩ nữ đồng tiếng ca vịnh tán thưởng thành âm vang. Sư trước sau đi sứ đều cảm điềm linh ứng. Vua Văn Đế ngợi khen tôn trọng, lại càng kính ngưỡng.

Bấy giờ, Lý Tông có Đạo Sĩ Chử Nhu, quê vốn ở Giang Biểu, dưới thời nhà Trần bị đánh phá nên phải vào kinh đô. Đã đến ở Huyền đô, được sự hoài mong của đạo tử, tham cứu Huyền Vi, biện chước sâu kín nhiệm mầu, mở mang Tam Huyền. Học ít tôn sư, tình không suy chuộng, mỗi lúc giảng về Lão Trang, Sư đều đến dự nghe, hoặc lấy nghĩa để tìm câu, hoặc dùng cơ trách, tùy theo âm thanh, hình tượng của Đạo sĩ chử Nhu mà làm thế nổi chìm. Chú giải biện luận như suối chảy, lời tiếng trầm bổng dường gió cuốn. Nên các hàng Vương Công Đại nhân không ai chẳng há mồm vỗ đùi ngợi khen sự quyền biến đó. Vua Văn Đế thường ban sắc bảo chử Nhu giảng Lão Kinh, các hàng Công Khanh thấy đều đến dự, chỉ Sa-môn không được cùng nghe. Sư nghe thế không nhẫn nổi việc đó, bèn dẫn đồng môn hơn mười vị, mang

theo hành sàng qua đến Quán sở. Phòng vệ nghiêm bày, đều không khiếp sợ, đi thẳng vào giảng hội không người nào dám ngăn cản. Chử Nhu giải thích với Vua sắp xong, đều không bảo đề cập đến. Sư nhân chỗ chẳng bảo đề cập ấy mà mở lời chống kháng kích thích, ngôn từ như đùa hát, mà nghĩa thật là giải thích. Đã không được rõ thông nên trường giảng nhân đó mà giải tán. Các Quan liêu tấu trình sự việc ấy lên nhà Vua. Vua Văn Đế bảo “Đó là Phước của Trẫm! Được đồng thời với người ấy. Các Vua nhà Tùy, nhà Tề sáng suốt, đặt lễ ban tòa khâm kính khen ngợi, thường muốn thấy bàn nói, nên đến nơi Pháp hội có sa-môn Cát Tạng là bậc Thần biện bay huyền, đức hạnh trọng vọng ở đương thời, Vua thường có tâm chiết phục đó.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ năm (sáu trăm lẻ chín) đời Tùy, tại bốn đề ở Tây Kinh. Vua Dương Đế (Dương Quảng) dẫn mời các Luận sĩ hơn ba mươi vị, bảo ngài Cát Tạng lên pháp tòa, mọi người đều vâng thừa nêu lên các vấn nạn. Bấy giờ, mỗi người đều cho đó là Vinh hội nên đều cùng tham dự vậy. Sư làm Luận Sĩ, Anh Hoa Mạng Chương nêu hỏi nghĩa diên. Người nghe cho rằng Ngài Cát Tạng không thể đáp được. Ngài Cát Tạng điệp nạn tiếp giải. Mọi người lại cho rằng Sư sẽ không lấy gì để tiếp nối. Qua lại luận kháng tương hơn bốn mươi phen, ngài Cát Tạng vẫn còn mở chiết không vướng mắc. Vua Dương Đế can ngăn dừng nghỉ. Lại bảo người kế tiếp theo hỏi vặn. Nghĩa tiếng vừa mới dứt. Sư lại tiếp tục hỏi vặn như trước, tư thế lại càng kéo nhiều. hỏi trở lại được hai, ba mươi phen, cuối cùng dưới tòa ai cũng ngang bằng. Bấy giờ, mọi người đều lấy làm lạ cho rằng ngài Cát Tạng thông đủ để ngồi chế phục kinh địch, còn kính trọng Sư khéo giỏi tiếp nối Văn từ khác, tuệ phát sắc bén vượt trội. Từ buổi trưa giờ ngọ mãi đến tối không sao thôi nghỉ. Vua Dương Đế bèn đứng dậy nắm tay Sư mà cảm tạ rằng: “Thật là danh tiếng chẳng khen rộng! Mới thấy ở ngày nay”. Và tự Thân vua dâng tặng Sư phát trần và các vật, dùng để biểu dương công khó luận biện. Nhưng Sư hạnh nhiếp chuyên tinh thuần, chẳng tham hoa sắc trọng vọng, chỉ thiên định chứa nhóm mà khởi nên danh đức tiếp đãi. Đạo hạnh đã ngời sáng, lúc đầu Vua ban sắc thỉnh mời, Sư cho rằng ngôi vị cao xa phẩm vị nông hậu, chìm đắm đã có lắm người nên cố từ chối chẳng đến.

Đến niên hiệu Đại nghiệp thứ chín (sáu trăm mười ba) Sư thị tịch tại chùa Hưng Thiện, thọ tám mươi lăm tuổi. Sư có đệ tử Tăng Loan và Tăng Phụng đều do tiếp nối khuôn phép mà nổi tiếng. Ngài Tăng Loan vốn dòng họ Vương tiên là Đại Nghiệp. Năm tám tuổi, Sư thông

hiểu sách Lễ, mười tuổi Sư giảng truyền ở Giang Đô, v.v... Sư vốn được khen là kinh tặc đến lúc Sư vất bỏ tâm mũ vào Phật Đạo, thì thông hiểu kinh luận rất nổi tiếng. Đến cuối đời Tùy, Sư hoàn tục, đầu đời (Tiên) Đường, Sư ra làm quan, với ngôi vị cấp sự Trung. Còn ngài Tăng Phụng có Biệt truyện, tự sáng ngài huy tích.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN  
(Quyển 9 hết)